. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0900264799

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 01 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 17 tháng 07 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUAN DUC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Bằng Ngang, Thị Trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0221 3 810705* Fax: *0221 3 810706*

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 755.279.930.000 đồng

Vốn điều lệ: 755.279.930.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi lăm tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 75.527.993

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *16/12/1970* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *020070000067*

Ngày cấp: *10/05/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *NQ 02.10 Vinhomes Riverside 2, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *NQ 02.10 Vinhomes Riverside 2, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đoãn Thị Tâm

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP	*Hưng Yên, ngày 08 tháng 09 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thuận Đức;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty cổ phần Thuận Đức ngày 08 tháng 09 năm 2023.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông Công ty thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty theo theo Tờ trình số 01/2023/TTr-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08/09/2023 của Hội đồng quản trị Công ty (*Tờ trình sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ đính kèm*).

Điều 2: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Đại hội đồng cổ đông Công ty thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Tờ trình số 02/2023/TTr-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08/09/2023 của Hội đồng quản trị Công ty (*Tờ trình phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đính kèm*).

Điều 3: Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được đọc toàn văn tại Đại hội và đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty cổ phần Thuận Đức thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 08/09/2023.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người có liên quan có trách nhiệm thực hiện các công việc được giao bởi Đại hội đồng cổ đông trong Nghị quyết này nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông, của Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:
- *Các cổ đông (đăng website Công ty);*
- *UBCKNN, Sở GDCK TP.HCM (báo cáo);*
- *Thành viên HĐQT, BTGĐ, BKS;*
- *Lưu VP.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 0809/2023/BB-ĐHĐCĐ-TDP	*Hưng Yên, ngày 08 tháng 09 năm 2023*

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Hôm nay, vào lúc 8h30 ngày 08 tháng 09 năm 2023 tại Hội trường Công ty cổ phần Thuận Đức, thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Công ty cổ phần Thuận Đức đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023, cụ thể như sau:

I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Thành phần tham dự Đại hội

- Ông Nguyễn Đức Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Các Thành viên Hội đồng quản trị;
- Các Thành viên Ban kiểm soát;
- Các Thành viên Ban Tổng Giám đốc;
- Cổ đông Công ty và Khách mời.

2. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội

Đại hội đã nghe Ông Bùi Huy Hoàng - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội cổ đông như sau:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 75.527.993 cổ phần.
- Tổng số đại biểu là cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự có mặt là: **38 cổ đông**, sở hữu và đại diện sở hữu: **69.696.040** cổ phần, tương ứng **92,3%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đã hoàn thành thủ tục tham dự Đại hội theo quy định của Quy chế Đại hội. Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại Đại hội đều đủ điều kiện tham dự Đại hội.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuận Đức, Đại hội cổ đông bất thường năm 2023 của Công ty đã có đủ điều kiện tiến hành một cách hợp pháp, hợp lệ.

II. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG TẠI ĐẠI HỘI

1. Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu

- Chủ tọa Đại hội là Ông Nguyễn Đức Cường, Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Ông Nguyễn Đức Cường - Chủ tọa Đại hội đề cử danh sách Đoàn Chủ tịch.

Các Cổ đông nhất trí 100% thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch đề cử như sau:

*** Đoàn Chủ tịch**

1. Ông Nguyễn Đức Cường : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa Đại hội

2. Bà Ngô Kim Dung : Uỷ Viên HĐQT - Thành viên

3. Ông Bùi Quang Sỹ : Uỷ Viên HĐQT - Thành viên

4. Ông Trần Đăng Duy : Uỷ Viên HĐQT - Thành viên

5. Ông Phạm Văn Chi : Uỷ Viên HĐQT - Thành viên

Ông Nguyễn Đức Cường - Chủ tọa Đại hội đề cử danh sách Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu.

Các cổ đông nhất trí 100% thông qua danh sách Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu đề cử như sau:

*** Ban Thư ký Đại hội:**

1. Ông Nguyễn Xuân Quyền : Trưởng Ban Thư ký
2. Bà Nguyễn Thị Hằng : Thành viên

*** Ban kiểm phiếu:**

1. Ông Bùi Huy Hoàng : Trưởng Ban kiểm phiếu
2. Bà Vũ Thị Thanh Hường : Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Thảo : Thành viên
4. Bà Dương Thị Thu Hoài : Thành viên
5. Bà Vũ Thị Ngọc : Thành viên

Hình thức biểu quyết: Giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số biểu quyết:

- Đồng ý : 100%
- Không đồng ý : 0%
- Không có ý kiến : 0%

2. Thông qua Chương trình Đại hội

Đại hội đã nghe Ông Trần Đăng Duy đọc chương trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.

Đại hội đã thống nhất nội dung chương trình của Đại hội.

Tổng số biểu quyết:

- Đồng ý : 100%
- Không đồng ý : 0%
- Không có ý kiến : 0%

3. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội

Đại hội đã nghe Ông Trần Đăng Duy đọc Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.

Tổng số biểu quyết:

- Đồng ý : 100%
- Không đồng ý : 0%
- Không có ý kiến : 0%

4. Thông qua các Báo cáo, Tờ trình của Đại hội

Ông Trần Đăng Duy được sự ủy quyền của HĐQT trình bày trước Đại hội:

- TTr số 1: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ của Công ty;
- TTr số 2: Thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

III. THẢO LUẬN CÁC NỘI DUNG TRÌNH BÀY ĐHĐCĐ

Đại hội đã tiến hành thảo luận các nội dung trong các báo cáo, tờ trình Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đã thống nhất các nội dung trình bày, giải trình tại đại hội và không có ý kiến khác.

IV. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Điều 1: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ của Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ của Công ty theo Tờ trình số: 01/2023/TTr-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08 tháng 09 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
Đồng ý	69.696.040	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Điều 2: Thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Tờ trình số: 02/2023/TTr-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08 tháng 09 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
Đồng ý	69.696.040	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

V. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Ông Nguyễn Xuân Quyền - Trưởng Ban Thư ký trình bày toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2023.

Ông Nguyễn Đức Cường - Chủ tịch HĐQT Công ty xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2023.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua các nội dung được thông qua tại đại hội

với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần	Tỷ lệ % biểu quyết tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
Đồng ý	69.696.040	100%
Không đồng ý	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Biên bản do Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ và trung thực, được đọc lại trước Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 và được đăng tải trên website của Công ty để thông tin đến toàn thể cổ đông của Công ty.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty cổ phần Thuận Đức kết thúc vào hồi 9h30 cùng ngày.

TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN XUÂN QUYỀN

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG

Nơi nhận:
- *Các cổ đông (đăng website Công ty);*
- *UBCKNN, Sở GDCK TP.HCM (báo cáo);*
- *Thành viên HĐQT, BTGĐ, BKS;*
- *Lưu VP.*

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Số: 02/2023/TTr-ĐHĐCĐ-TDP	*Hưng Yên, ngày 08 tháng 09 năm 2023*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2023

V/v: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thuận Đức;*
- *Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu vốn của Công ty.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, chi tiết như sau:

1. Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thuận Đức
- Mã chứng khoán: TDP
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành: 75.527.993 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu quỹ: Không có
- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành theo mệnh giá: 755.279.930.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 7.552.799 cổ phiếu
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 75.527.990.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành: 10% (Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu
- Phương thức phát hành: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:01 (tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng với 01 quyền, 10 quyền được mua 01 cổ phiếu mới)
- Giá chào bán dự kiến: 15.000 đồng/cổ phiếu
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 113.291.985.000 đồng

- Nguyên tắc xác định giá phát hành:
  - Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty theo BCTC hợp nhất soát xét tại ngày 30/06/2023 là: 10.977 đồng/cổ phiếu
  - Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty theo BCTC công ty mẹ soát xét tại ngày 30/06/2023 là: 10.721 đồng/cổ phiếu
  - Giá đóng cửa cổ phiếu TDP bình quân 60 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 13/06/2023 đến ngày 06/09) là: 32.258 đồng/cổ phiếu

  Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Công ty, đồng thời để khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên giá chào bán được xác định là 15.000 đồng/cổ phiếu.
- Chuyển nhượng quyền mua: Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác theo giá thoả thuận của 2 bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).
- Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Nguyên tắc làm tròn: Khi cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua, để đảm bảo không vượt quá tổng số lượng cổ phiếu chào bán, số lượng cổ phiếu mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- *Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 12.345 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông A có 12.345 quyền mua và được mua 12.345 *10/100= 1.234,5 cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống thì số cổ phiếu được mua của cổ đông A là 1.234 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh là 0,5 cổ phiếu. Như vậy cổ đông sở hữu 12.345 cổ phiếu sẽ được mua 1.234 cổ phiếu chào bán thêm.*

Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết (Sau đây gọi là "Số Cổ Phiếu Còn Lại") gồm:

i. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn;
ii. Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã xin phép phát hành và tổng số lượng cổ phiếu thực tế phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 (nếu có).
iii. Số cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua toàn bộ hoặc chỉ thực hiện quyền mua một phần.

- ***Phương án xử lý:***

  Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chào bán số lượng Số Cổ Phiếu Còn Lại cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá đã chào bán cho cổ đông hiện để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phiếu chào bán.
  Số Cổ Phiếu Còn Lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
  Trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sẽ được huỷ và kết thúc đợt phát hành.

Việc phân phối số cổ phiếu không chào bán hết phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Tuân thủ quy định tại điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: "Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau."
- ✓ Đảm bảo các điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

- Điều kiện chuyển nhượng:
  - Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua là cổ phần phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng;
  - Số Cổ Phiếu Còn Lại nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm 2023 - 2024 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian cụ thể.

2. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu

Sau khi hoàn tất đợt phát hành ra công chúng, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty dự kiến tăng lên, các rủi ro về pha loãng có thể xảy ra như sau:

(i) Pha loãng giá thị trường

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phần phát hành thêm, giá tham chiếu của cổ phiếu TDP sẽ được điều chỉnh kỹ thuật, công thức tính như sau:

$$P_{TC} = \frac{P_{t-1} + P_R * I_R}{1 + I_R}$$

$$= \frac{32.000 + 15.000 * 0,1}{1 + 0,1} = 30.455 \text{ đồng/cổ phần}$$

Trong đó:

P_{t-1}: 32.000 đồng/cổ phần (Giá thị trường giả định của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua);

P_R: 15.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành giả định cho cổ đông hiện hữu dự kiến);

I_R: 0,1 (Tỷ lệ tăng vốn đối với việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ tăng vốn này được tính = 7.552.799 cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu / 75.527.993 cổ phần đang lưu hành).

(ii) Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) = Lợi nhuận sau thuế/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân. Khi Công ty chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phần, EPS có thể giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng vốn (tốc độ tăng lượng cổ phiếu lưu hành).

(iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu

Do số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ tăng lên sau khi hoàn tất đợt phát hành, nên tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ giảm trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền mua thêm cổ phiếu.

3. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ

- Phương án sử dụng số tiền thu được:

Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành tăng vốn là: 113.291.985.000 đồng.

Số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay các ngân hàng và tổ chức tài chính, căn cứ trên BCTC soát xét hợp nhất năm 2023.

4. Đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu mới phát hành trên Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Sở Giao dịch chứng khoán.

5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Chủ động xây dựng, giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng có thẩm quyền;
- Xây dựng và thông qua Phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
- Điều chỉnh phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt phát hành cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc điều chỉnh phải đảm bảo theo đúng quy định pháp luật;
- Sau khi hoàn thành toàn bộ các công việc phát hành, ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và thay đổi đăng ký kinh doanh liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Thực hiện đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu mới phát hành trên Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu mới phát hành trên Sở Giao dịch chứng khoán;

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan đến đợt phát hành tăng vốn điều lệ này theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Các cổ đông (đăng website Công ty);*
- *UBCKNN, HOSE (báo cáo);*
- *Thành viên HĐQT, BTGĐ, BKS;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2709/2023/NQ–HĐQT–TDP	*Hưng Yên, ngày 27 tháng 09 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuận Đức;*
- *Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 27/09/2023.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

HĐQT thông qua việc triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08/09/2023.

Điều 2: Thông qua phương án chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là: **113.291.985.000 đồng**, số tiền thực tế thu được sẽ sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay các ngân hàng và tổ chức tài chính theo tỷ lệ tương ứng cụ thể như sau:

Hợp đồng số	Ngân hàng	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ	Thời gian thực hiện dự kiến
2022/HDHM/THUANDUC	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	39.652.194.750	35%	Dự kiến trong năm 2023 – 2024 sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
26551.22.003.1841958.TD	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	20.392.557.300	18%	
01/2022/3435048/HĐTD	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sở giao dịch 1	53.247.232.950	47%	
Tổng cộng		**113.291.985.000**	**100%**	

Điều 3: Thông qua biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài trong quá trình triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Hiện tại, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty: 51% (Căn cứ Công văn số 6597/UBCK-PTTT ngày 04/10/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo SHNN tối đa của Công ty cổ phần Thuận Đức).

HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài như sau:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu: Thực hiện phân phối quyền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ thực hiện quyền theo danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- HĐQT cam kết thực hiện phân phối số cổ phiếu không bán hết, số cổ phiếu lẻ (nếu có) đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá tỷ lệ tối đa được UBCKNN phê duyệt tại thời điểm thực hiện phân phối.

Điều 4: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán

HĐQT thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Thuận Đức nộp Ủy Ban ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Điều 12 và Điều 61 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.

Điều 5: HĐQT cam kết triển khai đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu mới phát hành trên Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu được phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi hoàn thành việc chào bán.

Điều 6: Trao quyền cho Chủ tịch HĐQT chủ động thực hiện và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan thực hiện các công việc cần thiết để triển khai, hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn nêu trên.

Điều 7: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- *Thành viên HĐQT, BTGĐ, BKS;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0900284799-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
H. KIM ĐỘNG - T. HƯNG YÊN

NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 0412/2023/NQ-HĐQT-TDP	*Hưng Yên, ngày 04 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuận Đức;*
- *Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2709/2023/NQHĐQT-TDP ngày 27/09/2023 thông qua việc triển khai phương án phát hành ("**Nghị quyết số 2709**")*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 04/12/2023.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc thay thế nội dung Điều 2 Nghị quyết số 2709 về "Phương án chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán" bằng nội dung như sau:

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là: **113.291.985.000 đồng**, được sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay các ngân hàng và tổ chức tài chính, cụ thể:

Hợp đồng số	Ngân hàng	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ	Thời gian thực hiện dự kiến
02/2023/3435 048/HĐTD	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sở giao dịch 1	113.291.985.000	100%	Dự kiến trong năm 2024

Điều 2: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết này sẽ trở thành một phần không tách rời của Nghị quyết số 2709. Các nội dung đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 2709 mà không được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết này sẽ giữ nguyên hiệu lực và có giá trị thi hành./.

Nơi nhận:
- *Thành viên HĐQT, BTGĐ, BKS;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0900284799-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
H. KIM ĐỘNG - T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Hưng Yên
Điện thoại: 0221.381.0705 - Fax: 0221.381.0706
Website: thuanducjsc.vn

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Hưng Yên, tháng 09/2023

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Tiêu chuẩn, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

Điều 55. Gia hạn hoạt động

Điều 56. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08 tháng 09 năm 2023.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUAN DUC JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt:

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0221.3810.705
- Fax: 0221.3810.706
- E-mail: info@thuanducjsc.vn
- Website: www.thuanducjsc.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

Ông **Nguyễn Đức Cường** Sinh ngày 16/12/1970 ; Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch: Việt Nam.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: NQ 02.10 Vinhomes Riverside 2, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

CCCD số: 020070000067 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/05/2021.

Chỗ ở hiện tại: NQ 02.10 Vinhomes Riverside 2, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chức danh quản lý: **Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.**

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty: theo quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết : sản xuất nhựa tái chế, bao bì dệt các loại	2220 (chính)
02	In ấn Chi tiết: in bao bì	1811
03	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển các loại phế liệu nhựa (trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình)	3811
04	Tái chế phế liệu Chi tiết : Tái chế các loại phế liệu nhựa	3830
05	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
06	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu nhựa, bao bì dệt các loại	4669
07	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, bao bì vật tư các loại (trừ vật phẩm đã ghi hình và hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia)	8299
08	Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.	*Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển kinh doanh các lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ v.v.. nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa cho

Công ty và cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia .Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 755.279.930.000 đồng (Bảy trăm năm mươi năm tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 75.527.993 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (Bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (Ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Ngoài ra việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội

đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu

bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Thẩm quyền và quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như thẩm quyền và quyết định của Đại hội cổ đông bất thường, bao gồm những nội dung sau:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quy định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

f) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

g) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

h) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông mà Hội đồng quản trị Công ty xét thấy cần thiết, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua;

i) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành

viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Tiêu chuẩn, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 người đến 11 người.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp, hoặc bị bãi nhiệm khi không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 1 Điều này.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

8. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bất cứ lúc nào mà không cần lý do vì hiệu quả hoạt động chung của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ

thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản

trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm

các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ 03 người đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội

đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc đấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc

chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu trưởng Ban Kiểm Soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều có hiệu lực kể khi Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG

Công ty Cổ phần Thuận Đức

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Building a better working world

Công ty Cổ phần Thuận Đức

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 51

Công ty Cổ phần Thuận Đức

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất số 0900264799 là lần thứ 12 được cấp ngày 12 tháng 8 năm 2021.

Theo Quyết định số 403/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán "TDP" đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bao bì dệt PP chất lượng cao phục vụ trong nước, xuất khẩu và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Công ty có các Chi nhánh tại số 851, khu phố Thủ Tửu 2, phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch
Bà Ngô Kim Dung	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Anh	Thành viên
Ông Lê Văn Quang	Thành viên
Ông Bùi Thế Quyền	Thành viên
Ông Phạm Văn Chỉ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hoàng Thị Hằng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Bùi Huy Hoàng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Thế Quyền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021/ Miễn nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Kim Anh	Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021/ Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021
Bà Ngô Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Quang Sỹ	Phó Tổng Giám đốc/ Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2021/ Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2021
Ông Trần Văn Huỳnh	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Nguyễn Đức Cường, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Bùi Quang Sỹ được ông Nguyễn Đức Cường ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 1801/2022/UQ-CTHĐQT ngày 18 tháng 01 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty

Công ty Cổ phần Thuận Đức

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Bùi Quang Sỹ
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Ernst & Young Vietnam Limited
6th Floor, Cornerstone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 62221187/22383548

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

EY
Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.476.935.630.798**	**1.111.990.019.930**
110	***I. Tiền***	***5***	***65.441.403.640***	***65.799.237.929***
111	1. Tiền		65.441.403.640	65.799.237.929
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***154.925.400.000***	***32.460.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	154.925.400.000	32.460.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***517.930.925.166***	***286.392.725.345***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	249.967.747.695	147.422.964.760
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	98.331.643.994	11.287.233.728
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	68.400.000.000	51.400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	103.231.533.477	76.282.526.857
140	***IV. Hàng tồn kho***	***10***	***724.740.210.849***	***721.715.395.984***
141	1. Hàng tồn kho		724.740.210.849	721.715.395.984
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***13.897.691.144***	***3.632.660.872***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	1.527.731.880	1.046.511.184
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	12.350.657.664	2.483.310.471
153	3. Phải thu thuế	18	19.101.600	100.839.017
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**931.311.124.786**	**482.402.299.530**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***194.189.847.543***	***1.908.288.801***
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	194.189.847.543	1.908.288.801
220	***II. Tài sản cố định***		***323.893.333.775***	***293.917.644.392***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	287.577.852.637	280.686.851.100
222	Nguyên giá		454.184.978.346	413.143.723.296
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(166.617.125.909)	(132.456.872.196)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	36.339.480.981	13.058.561.417
225	Nguyên giá		40.517.251.070	15.763.545.160
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.177.770.089)	(2.704.983.743)
227	3 Tài sản cố định vô hình	13	1.076.000.257	172.431.875
228	Nguyên giá		1.354.517.500	337.200.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(278.517.243)	(164.768.125)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn khác***		***21.034.041.665***	***7.562.101.538***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	21.034.041.665	7.562.101.538
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***378.500.000.000***	***187.500.000.000***
251	1. Đầu tư vào công ty con	15	190.000.000.000	119.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15	158.500.000.000	33.500.000.000
253	3. Đầu tư vào đơn vị khác	15	15.000.000.000	-
255	4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	15.000.000.000	15.000.000.000
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***13.693.901.803***	***11.494.064.799***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	13.693.901.803	11.494.064.799
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.408.246.755.586**	**1.594.392.319.460**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.988.962.057.669**	**969.261.870.776**
310	*I. Nợ ngắn hạn*		**1.404.707.503.480**	**892.288.155.166**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	171.333.881.665	92.539.675.548
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	32.727.393.535	15.794.967.476
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	17.949.716.223	14.416.904.044
314	4. Phải trả người lao động		12.993.766.229	5.167.922.163
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	10.156.062.961	2.919.743.284
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	304.465.025	1.217.390.341
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	1.159.242.217.962	759.970.952.320
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	260.600.000
330	*II. Nợ dài hạn*		**284.254.554.378**	**66.973.715.610**
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.913.587.359	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	282.340.967.019	66.973.715.610
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**719.284.697.717**	**635.139.448.684**
410	*I. Vốn chủ sở hữu*	22	**719.284.697.717**	**635.139.448.684**
411	1. Vốn cổ phần		602.109.020.000	537.508.370.000
418	2. Quỹ đầu tư, phát triển		16.200.000.000	9.200.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		100.975.677.717	88.332.078.684
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*16.461.428.684*	*17.366.602.152*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*84.514.249.033*	*70.965.476.532*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.408.246.755.585**	**1.594.392.319.460**

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Lê Thị Thường	Bùi Thị Hằng	Bùi Quang Sỹ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Thuận Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.168.193.909.459	1.211.757.976.065
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.168.193.909.459	1.211.757.976.065
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(1.925.826.907.579)	(1.025.287.159.762)
20	6. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		243.167.001.880	186.470.817.303
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	40.614.516.509	14.970.751.582
22	7. Chi phí tài chính	25	(87.748.799.070)	(61.343.015.897)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		(84.864.511.733)	(56.615.010.819)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(42.359.007.222)	(18.023.861.306)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(48.715.965.414)	(33.160.670.193)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		104.831.800.683	88.914.021.489
31	11. Thu nhập khác	27	152.087.236	269.769.383
32	12. Chi phí khác	27	(2.643.261.744)	(1.801.470.275)
40	13. Lỗ khác	27	(2.591.194.508)	(1.531.760.912)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		102.140.606.175	87.382.260.577
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	(17.626.357.142)	(16.416.784.045)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		84.514.249.033	70.965.476.532

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Lê Thị Thường	Bùi Thị Hằng	Bùi Quang Sỹ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**102.140.696.176**	**87.382.260.677**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình		38.621.789.058	31.956.362.200
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(218.876.793)	(207.771.532)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(37.762.650.455)	(13.735.379.036)
06	Chi phí lãi vay	25	86.215.008.440	58.815.010.819
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**188.896.876.415**	**164.210.483.028**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(142.514.817.143)	103.876.002.990
10	Tăng hàng tồn kho		(3.024.814.865)	(129.856.105.088)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		56.873.645.173	(24.157.318.030)
12	Tăng chi phí trả trước		(2.579.057.700)	(2.452.880.421)
14	Tiền lãi vay đã trả		(78.525.040.040)	(58.773.555.636)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.416.784.044)	(11.090.328.019)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(260.800.000)	(752.400.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh**		**4.448.407.795**	**41.003.898.624**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(122.478.711.277)	(46.493.870.016)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.454.545.455	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(256.276.400.000)	(118.750.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		116.800.000.000	31.909.860.822
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(381.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức		19.781.854.567	3.809.234.074
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(619.717.701.255)**	**(129.527.775.120)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.132.678.662.971	970.438.153.680
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.513.704.084.336)	(839.159.927.945)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(4.308.150.773)	(891.875.664)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		614.666.637.362	130.666.358.071
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(902.555.597)	42.962.473.675
60	Tiền đầu năm		66.799.237.929	23.836.154.346
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		244.821.308	100.610.009
70	Tiền cuối năm	5	65.441.403.640	66.799.237.929

Lê Thị Thường	Bùi Thị Hằng	Bùi Quang Sỹ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất số 0900264799 là lần thứ 12 được cấp ngày 12 tháng 8 năm 2021.

Theo quyết định số 403/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán "TDP" đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bao bì dệt PP chất lượng cao phục vụ trong nước, xuất khẩu và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Công ty có các Chi nhánh tại số 851, Khu phố Thủ Tửu 2, Phường Tân Khánh, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Tổng số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 872 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 895 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản đầu tư vào các Công ty con, chi tiết như sau:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính trong năm*
1	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên ("Công ty Thuận Đức Hưng Yên")	100%	100%	Thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Sản xuất bao bì từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
2	Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức (Công ty Phát triển Công nghệ Thuận Đức") (*)	100%	100%	Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Phân phối máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

(*) Vào ngày 10 tháng 9 năm 2021, Công ty Cổ phần Thuận Đức đã hoàn tất 100% việc góp vốn thành lập Công ty Phát triển Công nghệ Thuận Đức.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty còn sở hữu một khoản đầu tư vào công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 16.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho khác trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng, giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 28 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 16 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Các khoản đầu tư (tiếp theo)*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.14 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ này khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Thuế (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi

3.15 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm sản xuất và sản phẩm thương mại trên thị trường nội địa trong nước và thị trường xuất khẩu. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo vị trí của khách hàng.

3.16 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Thành lập công ty con lỉ

Công ty Công nghệ Thuận Đức

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty số 2204/2021/NQ-HHDCĐ – TDP ngày 22 tháng 4 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua quyết định thành lập Công ty Công nghệ Thuận Đức. Công ty Công nghệ Thuận Đức là một công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0901105865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 3 tháng 8 năm 2021. Công ty có mức vốn điều lệ là 20 tỷ VND trong đó Công ty nắm 100% vốn chủ sở hữu.

Hoạt động chính của Công ty Thuận Đức là phân phối máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

5. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	5.038.506.395	5.918.101.071
Tiền gửi ngân hàng	60.402.897.245	59.881.136.858
TỔNG CỘNG	**65.441.403.640**	**65.799.237.929**

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	154.925.400.000	154.925.400.000	32.450.000.000	32.450.000.000
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	**169.925.400.000**	**169.925.400.000**	**47.450.000.000**	**47.450.000.000**

(*) Bao gồm tiền gửi tại ngân hàng thời hạn 1 năm với lãi suất từ 3,4% đến 5,8%/năm (năm 2020: từ 4,1% đến 6,59%/năm).

(**) Bao gồm hai khoản trái phiếu có kì hạn 7 năm do ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên phát hành, lãi suất theo công bố của ngân hàng là 6,9% và 7,2%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản trái phiếu này đang được sử dụng để làm đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 21).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1. *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ khách hàng	161.551.548.089	96.544.369.105
- *Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel*	36.956.616.000	-
- *Công ty Cổ phần Marumi Quốc Tế*	19.707.167.500	-
- *Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế EMC*	10.057.022.950	-
- *Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Anh*	10.332.380.325	-
- *Ly Eco Pak Limited*	12.376.913.200	2.924.159.469
- *Doanh nghiệp tư nhân Anh Mỹ*	-	7.671.770.402
- *Các khoản phải thu khách hàng khác*	70.119.448.124	87.948.439.234
Phải thu từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	88.416.199.596	48.878.595.655
TỔNG CỘNG	**249.967.747.685**	**147.422.964.760**

Một số khoản phải thu được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 21.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.2. *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	90.881.161.638	11.267.233.728
- *Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng*	67.500.000.000	-
- *Bùi Văn Tư*	11.494.108.000	-
- *Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng HUD4*	-	5.968.000.000
- *Các khoản trả trước khác*	11.887.053.638	5.319.233.728
Trả trước cho bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	7.450.482.356	-
TỔNG CỘNG	**98.331.643.994**	**11.267.233.728**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là các khoản cho vay cá nhân là cán bộ nhân viên của công ty theo chính sách ưu đãi hỗ trợ người lao động, được đảm bảo bằng việc cam kết tiếp tục làm việc cho Công ty tối thiểu từ 2-3 năm, kỳ hạn theo từng hợp đồng vay, lãi suất 12%/năm.

9. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (i)	62.800.000.000	-	66.300.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên (ii)	30.110.542.091	-	964.381.780	-
Lãi tiền gửi, ký quỹ và cho vay	7.328.991.271	-	1.926.144.962	-
Cổ tức từ công ty con	-	-	8.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.992.000.115	-	2.092.000.115	-
TỔNG CỘNG	**103.231.533.477**	**-**	**78.282.526.857**	**-**
Trong đó:				
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*30.781.778.675*	*-*	*11.512.279.759*	*-*
Phải thu ngắn hạn khác	*72.449.754.802*	*-*	*66.770.247.098*	*-*

(i) Bao gồm tiền đặt cọc để mua nguyên vật liệu sản xuất và các hợp đồng thuê tài sản.

(ii) Bao gồm các khoản tạm ứng cho nhân viên cho mục đích thực hiện các hoạt động và dự án của Công ty.

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Dài hạn				
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (iii)	170.000.000.000	-	-	-
Lợi nhuận được chia	20.000.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.244.697.379	-	1.260.858.339	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	1.945.150.164	-	647.430.462	-
TỔNG CỘNG	**194.189.847.543**	**-**	**1.908.288.801**	**-**
Trong đó:				
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*190.000.000.000*	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	*4.189.847.543*	-	*1.908.288.801*	-

(iii) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

- Khoản góp vốn 70 tỷ VND theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên; Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên và Công ty cho mục đích góp vốn mở rộng nhà máy sản xuất bao bì Thái Yên. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số HĐHTDT/01/2021 ký ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa ba bên, Công ty sẽ được chia lợi nhuận sau thuế từ dự án theo tỷ lệ góp vốn.
- Khoản góp vốn 100 tỷ VND theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Thuận Đức JB và Công ty cho mục đích xây dựng nhà máy sản xuất bao bì JB. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0510/2021/TTHTĐT/01 ký ngày 5 tháng 10 năm 2021 giữa hai bên, Công ty sẽ được chia lợi nhuận sau thuế từ dự án theo tỷ lệ góp vốn.

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Nguyên vật liệu	240.251.315.091	-	220.366.759.365	-
Công cụ, dụng cụ	17.727.184.195	-	14.683.925.424	-
Hàng hóa	37.268.775.995	-	29.605.487.977	-
Bán thành phẩm	137.383.377.968	-	220.840.687.644	
Thành phẩm	292.111.557.600	-	236.238.575.574	-
TỔNG CỘNG	**724.740.210.849**	**-**	**721.715.396.984**	**-**

Một số hàng tồn kho được cầm cố thế chấp khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 21.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị, dụng cụ quản lý*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	81.578.104.923	283.145.362.119	43.945.843.728	4.474.413.125	-	413.143.723.295
- Mua trong năm	-	30.469.182.942	6.707.687.965	410.142.182	716.200.000	38.303.113.089
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.173.825.495	1.554.316.467	-	-	-	5.728.141.962
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	570.000.000	-	-	-	570.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.550.000.000)	-	-	(3.550.000.000)
Số cuối năm	85.751.929.418	315.738.861.528	47.103.431.693	4.884.555.307	716.200.000	454.194.978.345
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	3.301.111.554	6.163.969.395	10.481.964.934	409.762.597	-	22.356.808.480
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	19.739.446.734	89.889.571.837	21.752.646.243	1.075.207.381	-	132.456.872.195
- Khấu hao trong năm	5.122.489.154	25.354.407.044	4.796.756.016	586.998.210	74.604.170	35.935.253.594
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.774.999.980)	-	-	(1.774.999.980)
Số cuối năm	24.861.935.888	115.243.978.881	24.774.401.279	1.662.205.591	74.604.170	166.617.125.809
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	61.838.657.589	193.255.790.282	22.193.197.485	3.399.205.744	-	280.686.851.100
Số cuối năm	60.889.993.930	200.494.882.647	22.329.030.414	3.222.349.716	641.595.830	287.577.852.537

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số tài sản cố định của Công ty đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 21.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	*Phương tiện vận tải*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	12.267.431.191	3.496.113.969	15.763.545.160
- Thuê thêm trong kỳ	4.631.273.637	20.692.432.273	26.323.705.910
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	-	(570.000.000)	(570.000.000)
Số cuối năm	16.898.704.828	23.618.546.242	40.517.251.070
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	1.003.147.186	1.701.836.557	2.704.983.743
- Khấu hao trong năm	1.109.838.120	1.430.805.366	2.540.643.486
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	-	(67.857.140)	(67.857.140)
Số cuối năm	2.112.985.306	3.064.784.783	5.177.770.089
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	11.264.284.005	1.794.277.412	13.058.561.417
Số cuối năm	14.785.719.522	20.553.761.459	35.339.480.981

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm	337.200.000
- Mua mới trong năm	1.017.317.500
Số cuối năm	1.354.517.500
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	*56.700.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	164.768.125
- Hao mòn trong năm	113.749.118
Số cuối năm	278.517.243
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	172.431.875
Số cuối năm	1.076.000.257

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Chi phí xây dựng nhà máy	17.192.234.545	5.203.220.628
- Máy móc, thiết bị đang lắp đặt	1.713.872.380	2.378.880.910
- Khác	2.127.934.740	-
TỔNG CỘNG	**21.034.041.665**	**7.582.101.538**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị sổ sách*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị sổ sách*
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	170.000.000.000	-	170.000.000.000	119.000.000.000	-	119.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thuận Đức	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	158.500.000.000	-	158.500.000.000	33.500.000.000	-	33.500.000.000
Đầu tư vào các đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	**363.500.000.000**	**-**	**363.500.000.000**	**152.500.000.000**	**-**	**152.500.000.000**

15.1 *Đầu tư vào công ty con*

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại công ty con như sau:

	Vốn chủ sở hữu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp VND	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ vốn sở hữu %	*Tỷ lệ biểu quyết %*	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*
Công ty Thuận Đức Hưng Yên (*)	170.000.000.000	100%	100%	100%	100%
Công ty Phát triển Công nghệ Thuận Đức	20.000.000.000	100%	100%	-	-

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 *Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)*

(*) Vào ngày 9 tháng 6 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua biên bản họp số 0906/2021/NQ-HĐQT về việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thuận Đức Hưng Yên từ 119.000.000.000 VND lên 170.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Thuận Đức cam kết góp thêm 51.000.000.000 VND vào Công ty Thuận Đức Hưng Yên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc góp số vốn trên vào Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên.

Công ty không thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ ở công ty liên kết vì các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

15.2 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết như sau:

	Vốn Chủ sở hữu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp VND	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ vốn sở hữu %	*Tỷ lệ biểu quyết %*	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco ("Công ty Thuận Đức Eco")	425.000.000.000	37,3%	37,3%	33,5%	33,5%

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Thuận Đức Eco đã thông qua Nghị quyết số 1603/2021/NQ-HĐQT về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 300.000.000.000 VND bằng việc phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông hiện hữu. Tuy nhiên, theo Biên bản họp Hội Đồng Quản trị số 2503/2021/BB-HĐQT, ngày 25 tháng 3 năm 2021, Công ty Cổ phần Thuận Đức đã thông qua việc không thực hiện quyền mua thêm cổ phiếu trong Công ty Thuận Đức Eco và chuyển nhượng số lượng quyền mua này cho cá nhân và tổ chức khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco giảm xuống 11,17% và khoản đầu tư vào công ty này trở thành đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2021, Hội đồng quản trị của Công ty Thuận Đức đã thông qua Nghị quyết số 1811/2021/NĐ-HĐQT về việc thực hiện toàn bộ quyền mua cổ phiếu được phân bổ theo phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Hội đồng quản trị của Công ty Thuận Đức Eco. Ngoài ra, Công ty cũng nhận chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông khác tại Công ty Thuận Đức Eco. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm 125.000.000.000 VND vào Công ty Thuận Đức Eco. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco tăng lên 37,3% và Công ty Thuận Đức Eco trở thành công ty liên kết của Công ty

Công ty không thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ ở công ty Thuận Đức Eco do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại đơn vị khác như sau:

		Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Vốn chủ sở hữu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp VND	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn ("Công ty Thuận Đức Bỉm Sơn")	100.000.000.000	15%	15%	-	-

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức đã thông qua Nghị quyết số 3011/2021/NQ-HĐQT về việc góp vốn 15.000.000.000 VND vào Công ty Thuận Đức Bỉm Sơn. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trong Công ty Thuận Đức Thuận Đức Bỉm Sơn là 15% và khoản đầu tư vào công ty này là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Công ty không thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ ở công ty Cổ phần Thuận Bỉm Sơn do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Chi phí thuê kho	564.704.001	405.000.001
Chi phí khác	973.027.879	643.511.183
TỔNG CỘNG	**1.537.731.880**	**1.048.511.184**
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	12.464.753.660	10.050.593.107
Chi phí giải phóng mặt bằng (*)	843.391.921	938.649.249
Chi phí khác	285.756.322	504.822.443
TỔNG CỘNG	**13.593.901.903**	**11.494.064.799**

(*) Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh tiền trả trước cơ quan Nhà nước trong việc đền bù giải phóng mặt bằng tại thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động để phục vụ cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì dệt của Công ty. Chi phí này sẽ được bù trừ với tiền thuê đất phải trả hàng năm.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

17.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
- Công ty Cổ phần Stavian GFS Land	33.070.520.000	33.070.520.000	-	-
- Công ty Cổ phần Stavian hóa chất	32.224.210.580	32.224.210.580	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu máy và phụ tùng	15.244.977.321	15.244.977.321	13.698.238.463	13.698.238.463
- Công Ty TNHH Nhựa Phương Anh	10.062.777.450	10.062.777.450	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Kim Khánh	10.052.519.250	10.052.519.250	-	-
- Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng	6.966.065.009	6.966.065.009	2.784.178.380	2.784.178.380
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	63.496.451.945	63.496.451.945	54.694.938.308	54.694.938.308
- Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	216.340.000	216.340.000	21.362.320.397	21.362.320.397
TỔNG CỘNG	**171.333.881.555**	**171.333.881.555**	**92.539.676.548**	**92.539.676.548**

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)

17.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Syracuse Enviro Group	4.186.426.023	-
Mario Co., Ltd	4.094.852.767	2.823.286.757
The Pack America Corp	2.873.111.777	-
Re-Bag Belgium BVBA	2.844.400.896	2.132.544.616
Euro Nature Green SDN BHD	1.895.118.442	2.117.256.209
Sudesi66 Sarl	1.430.572.000	-
Khách hàng khác	15.402.911.631	6.721.879.894
TỔNG CỘNG	**32.727.393.535**	**15.794.967.476**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp*	*Số đã nộp*	*Số cuối năm*
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.416.784.044	17.628.357.142	14.416.784.044	17.628.357.142
Thuế thu nhập cá nhân	-	754.951.503	431.832.422	323.119.081
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.756.177.861	3.756.177.861	-
Các khoản thuế khác	120.000	72.575.350	72.455.350	240.000
TỔNG CỘNG	**14.416.904.044**	**22.210.061.856**	**18.677.249.677**	**17.949.716.223**

	Số đầu năm	*Số phải thu*	*Số đã bù trừ*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	100.839.017	-	100.839.017	-
Thuế GTGT đầu vào	2.483.310.471	143.199.717.199	133.332.170.006	12.350.857.664
Thuế khác	-	19.101.600	-	19.101.600
TỔNG CỘNG	**2.584.149.488**	**143.218.818.799**	**133.433.009.023**	**12.369.959.264**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lãi vay ngân hàng	9.408.602.919	1.718.634.519
Chi phí tiền điện	498.960.042	435.202.055
Phải trả các bên khác	248.500.000	765.906.710
TỔNG CỘNG	**10.156.062.961**	**2.919.743.284**

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Kinh phí công đoàn	230.142.648	420.383.791
Bảo hiểm xã hội phải nộp	-	112.363.406
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	74.322.177	684.643.144
TỔNG CỘNG	**304.464.825**	**1.217.390.341**

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phát sinh trong năm*		*Chênh lệch tỷ giá*	*Số cuối năm*
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	*Tăng*	*Giảm*		*Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)*
Vay ngắn hạn					
Vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 21.1)*	735.465.612.741	1.870.493.673.596	1.481.422.405.171	(40.501.371)	1.124.496.579.795
Vay dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 21.2)*	20.197.188.806	28.485.437.111	20.197.188.806	-	28.485.437.111
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 21.3)*	4.308.150.773	6.260.201.056	4.308.150.773	-	6.260.201.056
	759.970.952.320	**1.905.239.311.763**	**1.505.927.744.750**	**(40.501.371)**	**1.159.242.217.962**
Vay dài hạn					
Vay dài hạn *(Thuyết minh số 21.2)*	64.729.296.845	11.190.793.738	29.979.975.551	12.380.560	45.952.497.592
Nợ thuê tài chính dài hạn *(Thuyết minh số 21.3)*	2.244.416.765	20.994.185.637	8.258.132.975	-	14.980.469.427
Trái phiếu phát hành dài hạn *(Thuyết minh số 21.4)*	-	230.000.000.000	8.592.000.000	-	221.408.000.000
	66.973.713.610	**262.184.979.375**	**46.830.108.526**	**12.380.560**	**282.340.967.019**
TỔNG CỘNG	**826.944.667.930**	**2.167.424.491.138**	**1.552.757.853.276**	**(28.120.811)**	**1.441.583.184.981**

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 *Vay ngắn hạn*

Đối tượng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	267.228.179.780 (Trong đó có 131.699,47 USD tương đương 3.017.234.859 VND)	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 12 tháng 9 năm 2022; lãi được trả ngày 25 hàng tháng.	Từ 7% đến 7,5% cho VND và 3,2% cho USD	Hệ thống nhà xưởng xây dựng trên thửa đất Nhà máy 1, một số máy móc thiết bị của Công ty và 4 xe ô tô (xe ô tô con AUDI 89A-066.43, xe ô tô con TOYOTA INNOVA 89A-013.21, xe ô tô tải MITSUBISHI 89C-134.90) của công ty tổng giá trị 77,5 tỷ; Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Bà Ngô Kim Dung trị giá 5 tỷ VND; Hợp đồng tiền gửi của công ty trị giá 5 tỷ VND và trái phiếu dài hạn của Agribank 7 năm trị giá 15 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thanh Xuân	249.143.782.120	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 28 tháng 3 năm 2022; lãi được trả ngày 5 hàng tháng.	Từ 6,3% đến 7,9%	Máy móc thiết bị trị giá 55,52 tỷ VND; Hàng tồn kho lối thiểu tại công ty do ngân hàng quản lý trị giá 217,29 tỷ VND; 5 xe ô tô của ô tô trị giá 2,26 tỷ VND (ô tô HUYNDAI 89C-125.29, ô tô TOYOTA FORTUNER 89A-096.26; ô tô HINO 89C-050.63, ô tô TOYOTA 89B-006.90, ô tô TOYOTA 89C-050.63; ô tô TOYOTA 89B-006.90); Các hợp đồng tiền gửi trị giá 26,75 tỷ VND của Công ty; Sổ tiết kiệm 5 tỷ VND mang tên Bà Ngô Kim Dung.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long	60.968.685.974 VND (Trong đó có 126.888,64 USD tương đương 2.907.018.742 VND)	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 28 tháng 2 năm 2022; lãi được trả ngày 25 hàng tháng.	Từ 7% đến 7,5% cho VND và 4% cho USD	Các bất động sản cá nhân trị giá 8,29 tỷ; Các máy móc thiết bị trị giá 21,19 tỷ VND; Hàng tồn kho luân chuyển trị giá 82 tỷ VND; Quyền hưởng lợi từ nguồn thu nhập xuất nhập khẩu trị giá 13 tỷ VND; Quyền phải thu trị giá 30 tỷ.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	24.511.968.283	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 19 tháng 5 năm 2022, lãi được trả ngày 25 hàng tháng.	7,5%	Quyền đòi nợ trị giá 43 tỷ VND.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 *Vay ngắn hạn* (tiếp theo)

Đối tượng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Sinopacs - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	22.601.410.000	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 24 tháng 2 năm 2022; lãi được trả ngày 27 hàng tháng.	7%	Các hợp đồng tiền gửi trị giá 9,4 tỷ VND.
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	306.061.667.232 (Trong đó có 152.406,64 USD tương đương 3.491.636.122VND)	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 29 tháng 3 năm 2022, lãi được trả ngày 25 hàng tháng.	Từ 6,5% đến 7,5% cho VND và 4,7% cho USD	Các hợp đồng tiền gửi trị giá 71,65 tỷ VND. Các bất động sản cá nhân trị giá 46,9 tỷ VND. Xe ô tô Fortuner 89A-193.30 trị giá 0,61 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	26.983.097.375	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 16 tháng 8 năm 2022; lãi được trả ngày 25 hàng tháng.	7,2%	Hợp đồng tiền gửi trị giá 9 tỷ VND; Khoản phải thu luân chuyển trị giá 4,5 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	49.511.754.927	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 31 tháng 5 năm 2022; lãi được trả ngày 25 hàng tháng.	6,5%	Hợp đồng tiền gửi trị giá 10 tỷ VND.
Ngân hàng Hongleong Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	67.124.975.239 (Trong đó có 711.076,99 USD tương đương 16.290.773.841VND)	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 10 tháng 9 năm 2022; lãi được trả ngày 21 hàng tháng.	Từ 4,98% đến 5,1% cho VND và 2,4% cho USD	Hợp đồng tiền gửi trị giá 10 tỷ VND.
Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	50.000.000.000	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 26 tháng 3 năm 2022.	11%	Cổ phiếu của cá nhân với giá trị 126 tỷ VND
TỔNG CỘNG	**1.124.496.579.795**			

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 *Vay dài hạn*

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - chi nhánh Thanh Xuân	13.907.431.043	Gốc vay đến hạn theo từng khế ước vay và ngày cuối cùng là 13 tháng 7 năm 2024; lãi được trả hàng tháng.	9,3% - 10,2%	Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	*4.639.377.308*			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - chi nhánh thanh xuân	4.636.525.800 (tương ứng với 202.360 USD)	Gốc vay đến hạn theo từng khế ước vay và ngày cuối cùng là 12 tháng 7 năm 2024, lãi được trả hàng tháng.	7,3% cho USD	Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	*2.349.967.920 (tương ứng với 102.312 USD*			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	16.837 163.610	Gốc vay được trả theo từng khế ước vay và ngày cuối cùng là 25 tháng 12 năm 2026; lãi được trả hàng tháng.	7% - 11.2%	Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	*7.862.091.883*			
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	36.002.806.050	Gốc vay đến hạn theo từng khế ước vay và ngày cuối cùng là 25 tháng 6 năm 2024; lãi được trả hàng tháng.	10%	Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	*13.000.000.000*			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cơ sở giao dịch số 1	3.064.008.000	Gốc vay đến hạn theo từng khế ước vay và ngày cuối cùng là 29 tháng 11 năm 2026; lãi được trả hàng tháng.	8,5%	Tài sản hình thành từ vốn vay.
Trong đó: Nợ đến hạn trả	*640.000.000*			
TỔNG CỘNG	**74.437.934.763**			
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả	*28.485.437.111*			
- Vay dài hạn	*45.952.497.652*			

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 *Nợ thuê tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Từ 1 năm trở xuống	7.848.776.294	1.588.575.238	6.260.201.056	4.738.874.696	430.723.923	4.308.150.773
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Trên 1-5 năm	17.669.276.070	2.688.806.643	14.980.469.427	2.313.439.613	69.022.848	2.244.416.765
TỔNG CỘNG	**25.518.052.364**	**4.277.381.881**	**21.240.670.483**	**7.052.314.309**	**499.746.771**	**6.552.567.538**

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.4 *Trái phiếu phát hành*

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*	*Giá trị*	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*
Công ty TNHH Chứng khoán Mirae asset (Việt Nam) (*)	20.000.000.000	9%	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 1 tháng 9 năm 2024; lãi được trả 6 tháng/ lần	-	-	-
Ông Shin Dong Ki (*)	8.000.000.000	9%	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 1 tháng 9 năm 2024, lãi được trả 6 tháng/ lần	-	-	-
Ông Min In Sook (*)	2.000.000.000	9%	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 1 tháng 9 năm 2024, lãi được trả 6 tháng/ lần	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN thành phố Hồ Chí Minh (**)	100.000.000.000	9%	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 1 tháng 9 năm 2024; lãi được trả 6 tháng/ lần	-	-	-
Ngân hàng KEB HANA - chi nhánh Hà Nội (***)	100.000.000.000	9%	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 1 tháng 9 năm 2024; lãi được trả 6 tháng/ lần	-	-	-
Chi phí phát hành khoản vay chưa được phân bổ	*(6.592.000.000)*					
TỔNG CỘNG	**221.408.000.000**			-		

(*) Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.08/2021/HDĐM/TDP-MAS giữa Công ty và Công ty TNHH Chứng khoán Mirae asset (Việt Nam), vào ngày 30 tháng 8 năm 2021, Công ty đã phát hành 30 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 30 tỷ đồng, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành trái phiếu. Sau đó, vào ngày 1 tháng 10 năm 2021 Công ty TNHH Chứng khoán Mirae asset đã chuyển nhượng lại một phần trái phiếu cho 2 cá nhân là ông Shin Dong Ki và Min In Sook với tổng mệnh giá trái phiếu là 10 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- Cổ phiếu bảo đảm: 17.474.936 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Thuận Đức (TDP);
- Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) theo bảng kê trong hợp đồng; và
- Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thưởng, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm; các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.4 *Trái phiếu phát hành* (tiếp theo)

(**) Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.8/2021/HDĐM/TDP-SHINHANBANK giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – CN thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày 30 tháng 8 năm 2021, Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ đồng, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- Cổ phiếu bảo đảm: 17.474.936 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Thuận Đức (TDP);
- Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – CN thành phố Hồ Chí Minh theo bảng kê trong hợp đồng; và
- Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thưởng, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác.

(***) Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.08/2021/HDĐM/TDP-KEBHANA giữa Công ty và Ngân hàng KEB HANA - chi nhánh Hà Nội, vào ngày 30 tháng 8 năm 2021, Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ đồng, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- Cổ phiếu bảo đảm: 19.772.299 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Thuận Đức (TDP);
- Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Ngân hàng KEB HANA – chi nhánh Hà Nội theo bảng kê trong hợp đồng; và
- Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thưởng, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm; các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Số đầu năm	479.999.990.000	3.000.000.000	81.452.982.152	564.452.972.152
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	57.598.380.000	-	(57.598.380.000)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	70.965.476.532	70.965.476.532
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	6.200.000.000	(6.200.000.000)	-
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	(286.000.000)	(286.000.000)
Số cuối năm	537.598.370.000	9.200.000.000	88.332.078.684	635.130.448.684
Năm nay				
Số đầu năm	537.598.370.000	9.200.000.000	88.332.078.684	635.130.448.684
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	64.510.650.000	-	(64.510.650.000)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	84.514.249.033	84.514.249.033
- Trích quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	7.000.000.000	(7.000.000.000)	-
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (ii)	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Số cuối năm	602.109.020.000	16.200.000.000	100.975.677.717	719.284.697.717

(i) Vào ngày 6 tháng 7 năm 2021, Công ty đã nhận được công văn số 3316/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận Phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trả cổ tức của Công ty căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1506/2021/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2021 và các quy định khác của pháp luật. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là 6.451.065 cổ phiếu với tổng giá trị phát hành là 64.510.650.000 đồng theo Báo cáo kết quả phát hành số 2207/2021/BC-TDP ngày 22/07/2021 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

(ii) Vào ngày 22 tháng 4 năm 2021, Công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên số 2204/2021/NQ-ĐHĐCĐ-TDP

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 *Cổ phiếu*

	Số cuối năm *Số lượng*	*Số đầu năm* *Số lượng*
Cổ phiếu đã được duyệt	**60.210.902**	**53.759.837**
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	60.210.902	53.759.837
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.210.902	53.759.837

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2020:10.000 đồng/cổ phiếu).

23. DOANH THU

23.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**2.166.193.909.459**	**1.211.757.976.066**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*2.164.107.906.591*	*1.208.554.479.198*
Doanh thu khác	*4.086.002.868*	*3.203.496.957*
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**2.166.193.909.459**	**1.211.757.976.066**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*1.952.015.239.136*	*1.119.228.936.829*
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*216.178.670.323*	*92.529.039.237*

23.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi	18.246.279.035	5.735.379.036
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.162.590.308	1.235.372.546
Doanh thu từ cổ tức được chia	20.000.000.000	8.000.000.000
Doanh thu tài chính khác	105.641.166	-
TỔNG CỘNG	**40.514.510.509**	**14.970.751.582**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hàng bán	1.924.233.094.447	1.024.543.177.634
Giá vốn khác	793.813.132	743.981.118
TỔNG CỘNG	**1.925.026.907.579**	**1.025.287.158.752**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền vay và thuê tài chính	84.864.511.733	58.815.010.819
Lãi thuê tài chính	1.350.496.707	727.927.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.006.982.577	460.220.265
Lãi mua hàng trả chậm	523.808.053	1.339.857.613
TỔNG CỘNG	**87.746.799.070**	**61.343.015.897**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	5.861.023.201	5.693.188.114
- Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình	457.083.064	23.100.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.276.753.707	9.486.051.571
- Chi phí bằng tiền khác	8.793.147.230	2.819.521.621
TỔNG CỘNG	**42.388.007.222**	**18.023.861.306**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	18.373.345.369	11.812.238.541
- Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình	4.368.046.178	1.715.738.759
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.476.394.078	1.392.194.692
- Chi phí bằng tiền khác	6.339.708.886	3.728.403.608
- Chi phí quản lý chung	17.158.412.903	14.512.094.693
TỔNG CỘNG	**48.715.906.414**	**33.160.670.193**

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác		
Các khoản thu nhập khác	152.087.236	269.709.363
TỔNG CỘNG	**152.087.236**	**269.709.363**
Chi phí khác		
Thuế bị phạt, truy thu	656.068.139	479.698.489
Lỗ thanh lý tài sản	163.174.005	-
Chi phí khác	2.024.039.600	1.321.571.786
TỔNG CỘNG	**2.843.281.744**	**1.801.470.275**
LỖ KHÁC THUẦN	**(2.691.194.508)**	**(1.531.760.912)**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.546.362.356.896	782.868.453.168
Chi phí nhân công	123.768.319.303	105.361.545.496
Chi phí khấu hao và hao mòn	38.521.789.058	31.956.362.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.908.285.057	124.517.468.531
Chi phí khác bằng tiền	138.985.762.252	126.326.576.996
TỔNG CỘNG	**1.988.545.512.566**	**1.171.030.406.391**

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty trong năm hiện tại là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính năm có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 *Chi phí thuế TNDN*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.626.357.142	16.416.784.045
TỔNG CỘNG	**17.626.357.142**	**16.416.784.045**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**102.140.606.175**	**87.382.260.577**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty (20%)	20.428.121.235	17.476.452.115
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí lãi suất vượt quá 30% EBITDA	662.838.124	178.448.666
Chi phí khấu hao vượt định mức	342.804.810	229.852.587
Chi phí phạt	106.813.968	-
Các chi phí không có chứng từ hợp lý hợp lệ	116.196.462	129.968.920
Chi phí khác	-	2.061.757
Các khoản điều chỉnh giảm		
Các khoản khác	(30.417.447)	-
Lợi nhuận được chia từ công ty con	(4.000.000.000)	(1.600.000.000)
Chi phí thuế TNDN	**17.626.357.142**	**16.416.784.045**

28.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Bán hạt nhựa, vật tư	157.840.260.912	33.203.364.600
		Mua bao bì, mành dệt	123.769.982.298	60.976.711.910
		Góp vốn vào công ty con	51.000.000.000	-
		Lợi nhuận được chia	20.000.000.000	6.000.000.000
		Thu tiền lợi nhuận được chia	3.000.000.000	-
		Mua dịch vụ	1.080.000.000	270.000.000
		Cho thuê máy móc	61.600.000	-
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức	Công ty con	Góp vốn vào công ty con	20.000.000.000	-
		Xuất bán vật tư	198.145.992	-
		Thuê nhân công phải trả	196.672.729	-
		Cho thuê văn phòng và kho	75.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Bán hạt nhựa, vật tư	52.102.963.327	-
		Góp vốn vào công ty liên kết	125.000.000.000	-
		Nhập mua nguyên vật liệu	22.000.005.100	-
		Thuê máy móc nhà xưởng	593.905.454	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Bán vật tư	3.918.808.092	-
		Cho thuê máy	2.043.672.000	390.933.582
		Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Chuyển tiền hợp tác đầu tư	100.000.000.000	-
Bà Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT	Cho vay	-	10.000.000.000
		Thu tiền lãi cho vay	744.667.331	-
		Lãi cho vay phải thu	641.332.999	140.000.000
Bà Nguyễn Kim Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	Cho vay	-	200.000.000
		Thu tiền cho vay	200.000.000	-
		Lãi cho vay phải thu	21.268.001	-
		Thu tiền lãi cho vay	23.337.336	6.068.667
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT	Cho vay	-	200.000.000
		Thu tiền cho vay	200.000.000	-
		Lãi cho vay	21.468.001	6.068.667
		Thu tiền lãi cho vay	23.537.336	-

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT	Cho vay	10.000.000.000	-
		Thu tiền cho vay	10.000.000.000	-
		Tạm ứng	10.000.000.000	-
		Thu tiền lãi cho vay	395.305.556	-
		Lãi cho vay	86.000.000	-
Ông Bùi Quang Sỹ	Tổng Giám đốc (Từ ngày 20 tháng 12 năm 2021)	Cho vay	15.000.000.000	-
		Thu tiền cho vay	15.000.000.000	-
		Tạm ứng	3.000.000.000	-
		Hoàn ứng	852.733.075	-
		Lãi cho vay phải thu	1.360.545.556	-
		Thu tiền lãi cho vay	1.360.645.556	-
Ông Bùi Thế Quyền	Thành viên HĐQT	Cho vay	3.000.000.000	-
		Thu tiền cho vay	3.000.000.000	-
		Lãi cho vay phải thu	315.334.333	-
		Thu tiền lãi cho vay	315.334.333	-
		Hoàn ứng	3.202.000.000	-
Ông Phạm Văn Chi	Thành viên HĐQT	Cho vay	5.000.000.000	200.000.000
		Thu tiền cho vay	5.200.000.000	-
		Lãi cho vay phải thu	154.357.001	6.006.667
		Thu tiền lãi cho vay	156.428.336	-

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thông thường thỏa thuận trong hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ (31 tháng 12 năm 2020: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu ngắn hạn của khách hàng** (Thuyết minh số 7.1)*				
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Bán hạt nhựa	44.281.427.453	46.461.445.235
Công ty Cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên	Chung Chủ tịch HĐQT	Bán hạt nhựa, mạnh dệt	4.757.701.951	2.417.150.420
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Bán hạt nhựa	39.171.846.334	-
Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thuận Đức	Công ty con	Xuất bán vật tư	205.223.858	-
TỔNG CỘNG			**88.416.199.596**	**48.878.595.655**
***Trả trước cho người bán ngắn hạn** (Thuyết minh số 7.2)*				
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Mua mạnh dệt, bao bì	4.883.547.696	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Mua mạnh dệt, bao bì	2.566.934.660	-
TỔNG CỘNG			**7.450.482.356**	**-**
***Phải thu về cho vay** (Thuyết minh số 8)*				
Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT	Cho vay ngắn hạn	-	10.000.000.000
Nguyễn Kim Anh	Phó Tổng giám đốc (Từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	Cho vay ngắn hạn	-	200.000.000
Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT	Cho vay ngắn hạn	-	200.000.000
Phạm Văn Chi	Thành viên HĐQT	Cho vay ngắn hạn	-	200.000.000
TỔNG CỘNG			**-**	**10.600.000.000**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Phải thu khác	-	8 000 000.000
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Phải thu khác	-	329.006.672
Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT	Phải thu khác	10.000.000.000	316.388.000
		Tạm ứng	15.035.053.923	45.782.923
Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT	Phải thu khác	2.400.000.000	1 103 334.332
Bùi Quang Sỹ	Tổng giám đốc	Tạm ứng	2.747.930.577	600.663.652
Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	Phải thu khác	592 000.115	1.092.000.115
Phải thu các cá nhân khác	Thành viên trong HĐQT, Ban Giám Đốc	Phải thu khác	6.794.060	25.102.065
TỔNG CỘNG			**38.781.778.675**	**11.512.279.759**
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Cổ tức được chia	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Chung Chủ tịch HĐQT	Góp vốn hợp tác đầu tư	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Chung thành viên HĐQT	Góp vốn hợp tác đầu tư	100.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			**190.000.000.000**	**-**
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17.1)				
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Mua mành dệt, bao bì	-	21.362.320.397
Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thuận Đức	Công ty con	Mua dịch vụ	216.340.000	
TỔNG CỘNG			**216.340.000**	**21.362.320.397**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Chức vụ	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	773.507.538	503 507.538
Bà Nguyễn Kim Anh	Tổng Giám đốc/Phó tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021/ Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021)	273.000.000	244 749.638
Bà Ngô Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	760 874.308	502.874 308
Ông Bùi Quang Sỹ	Tổng Giám đốc (Từ ngày 20 tháng 12 năm 2021)	742.874.308	503.374 308
Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT	18.000.000	377.050.000
Ông Trần Văn Huỳnh	Giám đốc Tài chính	321.908.038	-
TỔNG CỘNG		**2.890.164.192**	**2.131.555.792**

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về khu vực địa lý nơi Công ty cung cấp sản phẩm. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo khu vực địa lý nơi Công ty cung cấp sản phẩm với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

	Xuất khẩu	*Trong nước*	*Tổng cộng*
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng	*464.224.484.503*	*1.703.969.424.956*	*2.168.193.909.459*
Giá vốn các bộ phận	*(353.679.953.494)*	*(1.571.346.954.085)*	*(1.925.026.907.579)*
Kết quả			
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	*110.544.531.009*	*132.622.470.871*	*243.167.001.880*
Chi phí không phân bổ (*)			*(141.026.395.705)*
Lợi nhuận trước thuế			*102.140.606.175*
Chi phí thuế TNDN			*(17.626.357.142)*
Lợi nhuận thuần sau thuế			**84.514.249.033**
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	*23.456.369.107*	*24.020.919.896*	*47.477.289.003*
Tài sản không phân bổ (**)			*2.360.769.466.582*
Tổng tài sản			**2.408.246.755.585**
Công nợ bộ phận			-
Công nợ không phân bổ (**)			*1.688.962.057.868*
Tổng công nợ			**1.688.962.057.868**

(*) Chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác

(**) Toàn bộ tài sản và nợ phải trả của Công ty được dùng chung cho các bộ phận theo khu vực địa lý nên không thể phân bổ theo bộ phận được.

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo địa lý của Công ty như sau.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

	Xuất khẩu	*Trong nước*	*Tổng cộng*
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng	*307.374.631.112*	*904.383.344.943*	*1.211.757.976.055*
Giá vốn các bộ phận	*(226.562.077.525)*	*(798.725.081.227)*	*(1.025.287.158.752)*
Kết quả			
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	*80.812.553.587*	*105.658.263.716*	*186.470.817.303*
Chi phí không phân bổ (*)			*(99.088.556.726)*
Lợi nhuận trước thuế			*87.382.260.577*
Chi phí thuế TNDN			*(16.416.784.045)*
Lợi nhuận thuần sau thuế			**70.965.476.532**
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	*8.167.356.594*	*53.103.332.691*	*61.270.689.285*
Tài sản không phân bổ (**)			*86.152.275.475*
Tổng tài sản			**1.594.392.319.460**
Công nợ bộ phận			-
Công nợ không phân bổ (**)			*959.261.870.776*
Tổng công nợ			**959.261.870.776**

(*) Chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Toàn bộ tài sản và nợ phải trả của Công ty được dùng chung cho các bộ phận theo khu vực địa lý nên không thể phân bổ theo bộ phận được.

32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	546.306	196.389
- Euro (EUR)	680	571

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê kho và quyền sử dụng đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	6.386.199.480	7.396.006.252
Trên 1 – 5 năm	9.279.410.783	10.076.003.803
Trên 5 năm	1.933.329.533	2.002.972.852
TỔNG CỘNG	**17.598.939.796**	**19.473.982.907**

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Lê Thị Thường	Bùi Thị Hằng	Bùi Quang Sỹ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2022 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn

Công ty Cổ phần Thuận Đức

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 56

Công ty Cổ phần Thuận Đức

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất số 0900264799 là lần thứ 12 được cấp ngày 12 tháng 8 năm 2021.

Theo quyết định số 403/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán "TDP" đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bao bì dệt PP chất lượng cao phục vụ trong nước, xuất khẩu và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh tại số 851, khu phố Thủ Tửu 2, phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch
Bà Ngô Kim Dung	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Anh	Thành viên
Ông Lê Văn Quang	Thành viên
Ông Bùi Thế Quyền	Thành viên
Ông Phạm Văn Chỉ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hoàng Thị Hằng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Bùi Huy Hoàng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Thế Quyền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021/ Miễn nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Kim Anh	Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021/ Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021
Bà Ngô Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Quang Sỹ	Phó Tổng Giám đốc/ Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2021/ Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2021
Ông Trần Văn Huỳnh	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2021

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Nguyễn Đức Cường, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Bùi Quang Sỹ được ông Nguyễn Đức Cường ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 1801/2022/UQ-CTHĐQT ngày 18 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính năm; và
- lập báo cáo tài chính năm trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty và các công ty con chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Bùi Quang Sỹ
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Ernst & Young Vietnam Limited
5th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 62221672/23083548-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

EY
Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.785.084.762.072**	**1.280.062.458.525**
110	*I. Tiền*	5	***132.141.568.948***	***66.644.581.816***
111	1 Tiền		132.141.568.948	66.644.581.816
120	*II. Đầu tư tài chính ngắn hạn*		***155.625.400.000***	***33.150.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	155.625.400.000	33.150.000.000
130	*III. Các khoản phải thu ngắn hạn*		***571.438.135.628***	***272.947.463.920***
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	257.615.447.733	111.778.585.962
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	117.181.085.758	12.729.849.728
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	78.900.000.000	57.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	117.741.592.137	91.439.028.230
140	*IV. Hàng tồn kho*	10	***910.979.737.752***	***896.613.816.198***
141	1. Hàng tồn kho		910.979.737.752	896.613.816.198
150	*V. Tài sản ngắn hạn khác*		***14.899.919.744***	***8.706.596.791***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	2.212.301.755	1.870.419.917
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	12.668.516.389	6.719.539.687
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	19.101.600	116.637.187
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**954.000.825.672**	**550.085.464.484**
210	*I. Các khoản phải thu dài hạn*		***225.993.120.269***	***3.601.379.710***
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	225.993.120.269	3.601.379.710
220	*II. Tài sản cố định*		***491.578.493.970***	***408.027.944.601***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	442.370.973.058	442.075.373.748
222	Nguyên giá		651.082.848.858	604.193.028.897
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(208.711.875.800)	(162.117.655.149)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	48.124.120.671	26.765.339.190
225	Nguyên giá		57.076.951.682	28.936.878.499
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.952.831.011)	(3.171.539.309)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	1.083.400.241	187.231.663
228	Nguyên giá		1.391.517.500	374.200.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(308.117.259)	(186.968.137)
240	*III. Tài sản dở dang dài hạn khác*		***25.889.866.936***	***12.634.601.538***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	25.889.866.936	12.634.601.538
250	*IV. Đầu tư tài chính dài hạn*		***191.271.560.385***	***48.500.000.000***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15	161.271.560.385	33.500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	15.000.000.000	-
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	15.000.000.000	15.000.000.000
260	*V. Tài sản dài hạn khác*		***19.267.782.112***	***17.321.538.415***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	17.224.570.713	15.425.185.778
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	2.043.211.399	1.896.352.637
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.739.085.587.744**	**1.830.147.922.989**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**2.018.742.946.148**	**1.198.243.888.423**
310	*I. Nợ ngắn hạn*		***1.700.641.252.225***	***1.077.255.538.711***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	202.424.137.990	93.379.091.389
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	33.914.751.340	16.954.676.268
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	24.246.648.038	19.459.835.348
314	4. Phải trả người lao động		17.882.344.555	10.082.471.978
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	11.641.468.778	4.830.962.259
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	941.559.250	2.816.005.716
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	1.409.590.342.274	931.291.695.753
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	260.800.000
330	*II. Nợ dài hạn*		***318.101.693.923***	***121.988.349.712***
337	1. Phải trả dài hạn khác		2.873.041.903	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	315.228.652.020	121.988.349.712
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**720.342.641.596**	**630.904.034.566**
410	*I. Vốn chủ sở hữu*	*22*	***720.342.641.596***	***630.904.034.566***
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		602.109.020.000	537.598.370.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		(2.497.630.555)	(5.477.782.055)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		16.200.000.000	9.200.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		104.531.452.151	89.583.446.621
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*17.712.796.621*	*16.875.268.389*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*86.818.655.530*	*72.708.178.232*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.739.085.587.744**	**1.830.147.922.989**

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Lê Thị Thường	Bùi Thị Hằng	Bùi Quang Sỹ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.440.119.991.864	1.375.843.766.627
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(10.503.540)	(142.208.050)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.440.109.488.324	1.375.701.558.577
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(2.130.557.376.572)	(1.138.205.853.879)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		309.552.111.752	237.496.704.698
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	22.811.584.967	8.567.180.470
22	7. Chi phí tài chính	25	(110.718.810.772)	(82.909.715.146)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(107.637.523.435)*	*(80.381.710.068)*
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		(205.391.115)	-
25	9. Chi phí bán hàng	26	(45.462.842.951)	(21.669.318.630)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(52.562.417.951)	(44.135.691.520)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		113.411.233.929	97.348.139.972
31	12. Thu nhập khác	27	172.100.026	484.938.641
32	13. Chi phí khác	27	(3.096.746.577)	(2.568.701.363)
40	14. Lỗ khác	27	(2.924.646.551)	(2.083.762.722)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (Trình bày lại)*
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		110.486.537.369	95.264.376.960
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(23.614.790.601)	(24.032.537.029)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	146.858.762	1.476.338.331
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		86.918.605.530	72.708.178.262
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.442	1.208
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	1.442	1.208

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Lê Thị Thường	Bùi Thị Hằng	Bùi Quang Sỹ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**110.498.587.389**	**95.294.376.950**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình		54.271.661.455	44.919.541.689
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(218.876.793)	(207.771.532)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(19.634.235.047)	(7.353.743.498)
06	Chi phí lãi vay	25	109.186.020.142	80.381.710.068
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**254.093.157.126**	**213.004.113.677**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(195.012.635.845)	76.256.006.876
10	Tăng hàng tồn kho		(14.365.921.555)	(115.267.623.257)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		88.352.489.678	(19.015.313.463)
12	Tăng chi phí trả trước		(2.141.266.773)	(3.758.245.574)
14	Tiền lãi vay đã trả		(101.669.960.514)	(80.760.483.504)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(16.459.715.348)	(14.863.149.699)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(260.600.000)	(752.400.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh**		**10.535.546.969**	**55.042.905.056**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(135.725.438.277)	(70.438.740.830)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.454.545.455	13.173.333.339
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(280.775.400.000)	(124.350.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		136.400.000.000	50.768.460.822
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào hợp tác kinh doanh vào đơn vị khác		(370.000.000.000)	-
26	Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		19.796.040.236	5.578.830.953
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(618.850.250.586)**	**(125.268.116.716)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.556.749.370.913	1.145.697.350.356
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.875.365.259.592)	(1.029.838.354.073)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(6.817.241.681)	(4.074.299.912)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**671.566.869.640**	**111.784.696.371**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**63.252.166.023**	**41.859.485.711**
60	**Tiền đầu năm**		**68.644.581.618**	**26.984.495.896**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		244.621.309	100.610.009
70	**Tiền cuối năm**	**5**	**132.141.568.948**	**68.644.581.618**

Lê Thị Thường	**Bùi Thị Hằng**	**Bùi Quang Sỹ**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất số 0900264799 là lần thứ 12 được cấp ngày 12 tháng 8 năm 2021.

Theo quyết định số 403/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán "TDP" đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bao bì dệt PP chất lượng cao phục vụ trong nước, xuất khẩu và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đầu tư.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Công ty các Chi nhánh tại số 851, khu phố Thủ Tửu 2, phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

Tổng số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.306 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.307 người).

Cơ cấu tổ chức

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính trong năm*
1	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên ("Công ty Thuận Đức Hưng Yên")	100%	100%	Thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Sản xuất bao bì từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.
2	Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức (Công ty Phát triển Công nghệ Thuận Đức") (*)	100%	100%	Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Phân phối máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

(*) Vào ngày 10 tháng 9 năm 2021, Công ty Cổ phần Thuận Đức đã hoàn tất 100% việc góp vốn thành lập Công ty Phát triển Công nghệ Thuận Đức.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty cũng sở hữu một khoản đầu tư vào công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 15.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 *Cơ sở hợp nhất* (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán của Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và các công ty con và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho khác thuộc sở hữu của Công ty và các công ty con trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Thuê tài sản* (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo hỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 28 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 16 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	5 – 6 năm

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Chênh lệch giữa giá phí chuyển nhượng với giá trị tài sản thuần của Công ty trong công ty liên kết dưới một sự kiểm soát chung được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch, và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm sản xuất và sản phẩm thương mại trên thị trường nội địa trong nước và thị trường xuất khẩu. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty, công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Thành lập công ty con là Công ty Công nghệ Thuận Đức

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty số 2204/2021/NQ-HĐCD - TDP ngày 22 tháng 4 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua quyết định thành lập Công ty Phát triển Công nghệ Thuận Đức. Công ty Phát triển Công nghệ Thuận Đức là một công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0901105865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 3 tháng 8 năm 2021. Công ty có mức vốn điều lệ là 20 tỷ VND trong đó Công ty nắm 100% vốn chủ sở hữu.

Hoạt động chính của Công ty Thuận Đức là phân phối máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

5. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	10.368.363.051	7.101.504.242
Tiền gửi ngân hàng	121.773.205.897	61.543.077.374
TỔNG CỘNG	**132.141.568.948**	**68.644.581.616**

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	155.625.400.000	155.625.400.000	33.150.000.000	33.150.000.000
Dài hạn				
Trái phiếu (**)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	**170.625.400.000**	**170.625.400.000**	**48.150.000.000**	**48.150.000.000**

(*) Tiền gửi ngân hàng thời hạn 1 năm với lãi suất từ 3,4% đến 5,7 %/năm (năm 2020: từ 4,1% đến 6,8%/năm)

(**) Bao gồm hai khoản trái phiếu có kì hạn 7 năm do ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên phát hành, lãi suất theo công bố của ngân hàng là 6,9% và 7,2%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản trái phiếu này đang được sử dụng để làm đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 21).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ khách hàng	198.485.607.748	109.331.735.542
- *Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel*	38.958.616.000	-
- *Công ty Cổ phần Marum Quốc Tế*	29.862.967.495	-
- *Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế EMC*	15.699.252.950	-
- *Ly Eco Pak Limited*	12.376.913.200	2.924.159.469
- *Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Anh*	10.332.380.325	-
- *Hợp tác xã Song Long*	5.506.219.400	12.689.551.846
- *Doanh nghiệp tư nhân Anh Mỹ*	-	7.671.770.402
- *Các khoản phải thu khách hàng khác*	85.760.258.378	85.046.253.825
Phải thu từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	59.129.839.965	2.446.650.420
TỔNG CỘNG	**257.615.447.733**	**111.778.385.962**

Một số khoản phải thu được cầm cố thế chấp khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 21.

7.2 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	95.463.513.638	12.729.849.728
- *Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng*	67.500.000.000	-
- *Bùi Văn Tư*	11.494.108.000	-
- *Công Ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng HUD4*	-	5.968.000.000
- *Các khoản trả trước khác*	16.469.405.638	6.761.849.728
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	21.717.582.120	-
TỔNG CỘNG	**117.181.095.758**	**12.729.849.728**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là các khoản cho vay cá nhân là cán bộ nhân viên của Công ty theo chính sách ưu đãi hỗ trợ người lao động, được đảm bảo bằng việc cam kết tiếp tục làm việc cho Công ty tối thiểu từ 2-3 năm, kỳ hạn theo từng hợp đồng vay, lãi suất từ 11 đến 12%/năm.

9. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (i)	62.800.000.000	-	85.800.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên (ii)	44.110.542.091	-	969.527.756	-
Lãi tiền gửi, ký quỹ và cho vay	7.639.048.931	-	2.577.500.359	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.992.000.115	-	2.092.000.115	-
TỔNG CỘNG	**117.741.592.137**	-	**91.439.028.230**	-
Trong đó:				
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*30.781.778.675*	-	*3.798.210.315*	-
Phải thu ngắn hạn khác	*86.959.813.462*	-	*87.640.817.915*	-
Dài hạn				
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (iii)	220.000.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.030.697.379	-	1.974.856.339	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	2.962.422.890	-	1.626.521.371	-
TỔNG CỘNG	**226.993.120.269**	-	**3.601.379.710**	-
Trong đó:				
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*220.000.000.000*	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	*5.993.120.269*	-	*3.601.379.710*	-

(i) Bao gồm tiền đặt cọc để mua nguyên vật liệu sản xuất và các hợp đồng thuê tài sản.

(ii) Bao gồm các khoản tạm ứng cho nhân viên cho mục đích thực hiện các hoạt động và dự án của Công ty.

(iii) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

- Khoản góp vốn 120 tỷ VND theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên; Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên và Công ty cho mục đích góp vốn mở rộng nhà máy sản xuất bao bì Thái Yên. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số HĐHTDT/01/2021 ký ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa ba bên, Công ty và công ty con sẽ được chia lợi nhuận sau thuế từ dự án theo tỷ lệ góp vốn.
- Khoản góp vốn 100 tỷ VND theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Thuận Đức JB và Công ty cho mục đích xây dựng nhà máy sản xuất bao bì JB. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0510/2021/TTHTĐT/01 ký ngày 5 tháng 10 năm 2021 giữa hai bên, Công ty sẽ được chia lợi nhuận sau thuế từ dự án theo tỷ lệ góp vốn.

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Nguyên vật liệu	412.583.644.009	-	354.037.219.122	-
Công cụ, dụng cụ	19.839.997.445	-	17.259.818.015	-
Hàng hóa	37.266.775.995	-	29.605.467.977	-
Bán thành phẩm	137.383.377.968	-	211.358.904.458	-
Thành phẩm	303.906.942.335	-	284.352.406.626	-
TỔNG CỘNG	**910.978.737.752**	**-**	**896.613.816.198**	**-**

Một số hàng tồn kho được cầm cố thế chấp khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 21.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị, dụng cụ quản lý*	*Tài sản cố định khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	151.648.127.947	391.910.970.516	51.502.784.728	9.095.867.686	35 277.318	604 193.028 697
- Mua trong năm	-	32.762.754.761	7.556.357.965	410.142.182	716.200.000	41 445.454 908
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	6.870.048.586	1.554.316.467	-	-	-	8.424.365.053
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	570.000.000	-	-	-	570.000.000
- Thanh lý	-	-	(3.550.000.000)	-	-	(3.550.000.000)
Số cuối năm	158.518.176.533	426.798.041.744	55.509.142.693	9.506.010.070	751.477.618	651.082.848.858
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*3.301.117.554*	*8.163.969.395*	*11.281.964.934*	*409.762.597*	-	*23.156.808.480*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	26.674.870.389	109.683.649.073	24.139.847.875	1.617.817.902	1 469.910	162.117.655.149
- Khấu hao trong năm	8.063.816.979	33.011.002.550	5.891.370.926	1.251.749.406	83.423.630	48.301.363 491
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	67.857.140	-	-	-	67.857.140
- Thanh lý	-	-	(1.774.999.980)	-	-	(1.774.999.980)
Số cuối năm	34.738.687.368	142.762.508.763	28.256.218.821	2.869.567.308	84.893.540	208 711.875 800
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	124.973.257.558	282.227.321.443	27.362.936.853	7.478.049.986	33.807.908	442.075.373.748
Số cuối năm	123.779.489.165	284.035.532.981	27.252.923.872	6.636.442.762	666.584.278	442.370.973.058

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số tài sản cố định của Công ty đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 21.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	*Phương tiện vận tải*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	25.440.764.530	3.496.113.969	28.936.878.499
- Thuê mới trong năm	8.017.640.910	20.692.432.273	28.710.073.183
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	-	(570.000.000)	(570.000.000)
Số cuối năm	33.458.405.440	23.618.546.242	57.076.951.682
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	1.469.702.752	1.701.836.557	3.171.539.309
- Khấu hao trong năm	4.418.343.476	1.430.805.366	5.849.148.842
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	-	(67.857.140)	(67.857.140)
Số cuối năm	5.888.046.228	3.064.784.783	8.952.831.011
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	23.971.061.778	1.794.277.412	25.765.339.190
Số cuối năm	27.570.359.212	20.553.761.459	48.124.120.671

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm	374.200.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.017.317.500
Số cuối năm	1.391.517.500
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	*56.700.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	186.968.137
- Hao mòn trong năm	121.149.122
Số cuối năm	308.117.259
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	**187.231.863**
Số cuối năm	**1.083.400.241**

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí xây dựng nhà máy	16.995.661.816	5.203.220.628
Máy móc, thiết bị đang lắp đặt	1.713.872.390	2.378.880.910
Xây dựng khác	7.180.434.740	5.052.500.000
TỔNG CỘNG	**25.889.968.936**	**12.634.601.538**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị sổ sách*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị sổ sách*
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	161.271.560.385	-	161.271.560.385	33.500.000.000	-	33.500.000.000
Đầu tư vào các đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	**176.271.560.385**	**-**	**176.271.560.385**	**33.500.000.000**	**-**	**33.500.000.000**

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết như sau:

	Vốn Chủ sở hữu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp VND	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ vốn sở hữu %	*Tỷ lệ biểu quyết %*	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco ("Công ty Thuận Đức Eco")	425.000.000.000	37,3%	37,3%	33,5%	33,5%

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Thuận Đức Eco đã thông qua Nghị quyết số 1603/2021/NQ-HĐQT về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 300.000.000.000 VND bằng việc phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông hiện hữu. Tuy nhiên, theo Biên bản họp Hội Đồng Quản trị số 2503/2021/BB-HĐQT, ngày 25 tháng 3 năm 2021, Công ty Cổ phần Thuận Đức đã thông qua việc không thực hiện quyền mua thêm cổ phiếu trong Công ty Thuận Đức Eco và chuyển nhượng số lượng quyền mua này cho cá nhân và tổ chức khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco giảm xuống 11,17% và khoản đầu tư vào công ty này trở thành đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2021, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thuận Đức đã thông qua Nghị quyết số 1811/2021/NĐ-HĐQT về việc thực hiện toàn bộ quyền mua cổ phiếu được phân bổ theo phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Hội đồng quản trị của Công ty Thuận Đức Eco. Ngoài ra, Công ty cũng nhận chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông khác tại Công ty Thuận Đức Eco. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm 125.000.000.000 VND vào Công ty Thuận Đức Eco. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco tăng lên 37,3% và Công ty Thuận Đức Eco trở thành công ty liên kết của Công ty.

Công ty không thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ ở công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại đơn vị khác như sau:

	Vốn chủ sở hữu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp VND	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
		Tỷ lệ vốn sở hữu %	*Tỷ lệ biểu quyết %*	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn ("Công ty Thuận Đức Bỉm Sơn")	100.000.000.000	15%	15%	-	-

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức đã thông qua Nghị quyết số 3011/2021/NQ-HĐQT về việc góp vốn 15.000.000.000 VND vào Công ty Thuận Đức Bỉm Sơn. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trong Công ty Thuận Đức Thuận Đức Bỉm Sơn là 15% và khoản đầu tư vào công ty này là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Công ty không thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ ở công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Chi phí thuê kho	1.063.997.454	907.425.091
Chi phí khác	1.148.304.301	962.994.826
TỔNG CỘNG	**2.212.301.755**	**1.870.419.917**
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	15.888.825.183	13.674.905.489
Chi phí giải phóng mặt bằng (*)	843.391.921	938.649.249
Chi phí khác	492.353.609	811.631.040
TỔNG CỘNG	**17.224.570.713**	**15.425.185.778**

(*) Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh tiền trả trước cơ quan Nhà nước trong việc đền bù giải phóng mặt bằng tại thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động để phục vụ cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì dệt của Công ty. Chi phí này sẽ được bù trừ với tiền thuê đất phải trả hàng năm.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả người bán	202.424.137.990	202.424.137.990	85.695.716.149	85.695.716.149
- Công ty Cổ phần Stavian GFS Land	*33.070.520.000*	*33.070.520.000*	-	-
- Công ty Cổ phần Stavian hóa chất	*42.261.710.580*	*42.261.710.580*	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu máy và Phụ tùng	*15.244.977.321*	*15.244.977.321*	*13.696.238.463*	*13.696.238.463*
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Kim Khánh	*15.090.949.250*	*15.090.949.250*	-	-
- Công ty TNHH Nhựa Phương Anh	*10.062.777.450*	*10.062.777.450*	-	-
- Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng	*8.164.588.009*	*8.164.588.009*	*3.554.592.945*	*3.554.592.945*
- Khác	*78.528.615.380*	*78.528.615.380*	*68.442.894.741*	*68.442.894.741*
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	-	-	7.683.375.240	7.683.376.240
TỔNG CỘNG	**202.424.137.990**	**202.424.137.990**	**93.379.091.389**	**93.379.091.389**

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

17.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Syracuse Enviro Group	4.186.426.023	-
Mario Co., Ltd.	4.094.852.767	2.523.286.757
The Pack America Corp	2.873.111.777	-
Re-Bag Belgium BVBA	2.844.400.895	2.132.544.616
Euro Nature Green SDN BHD	1.895.118.442	2.117.256.209
Sudest86 Sarl	1.430.572.000	-
Khách hàng khác	16.590.269.436	9.281.588.686
TỔNG CỘNG	**33.914.751.340**	**16.354.676.268**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp*	*Số đã nộp*	*Số cuối năm*
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.459.715.348	23.814.790.601	18.459.715.348	23.814.790.601
Thuế thu nhập cá nhân	-	885.729.714	454.112.277	431.617.437
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.756.177.861	3.756.177.861	-
Thuế khác	120.000	429.677.136	429.557.136	240.000
TỔNG CỘNG	**18.459.835.348**	**28.886.375.312**	**23.099.562.622**	**24.246.648.038**

	Số đầu năm	*Số phải thu*	*Số đã bù trừ*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	116.637.187	-	116.637.187	-
Thuế giá trị gia tăng	5.719.539.687	187.686.812.663	181.737.835.961	12.668.516.389
Thuế khác	-	19.101.600	-	19.101.600
TỔNG CỘNG	**5.836.176.874**	**187.705.914.263**	**181.854.473.148**	**12.687.617.989**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lãi vay ngân hàng	10.477.907.550	2.946.196.689
Chi phí tiền điện	498.960.042	837.468.606
Khác	664.601.186	847.296.964
TỔNG CỘNG	**11.641.468.778**	**4.630.962.259**

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội phải nộp	731.729.039	1.152.271.663
Khác	209.830.211	1.663.734.053
TỔNG CỘNG	**941.559.250**	**2.816.005.716**

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phát sinh trong năm*		*Chênh lệch tỷ giá*	*Số cuối năm*
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	*Tăng*	*Giảm*		*Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)*
Vay ngắn hạn					
Vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 21.1)*	885.443.693.054	2.291.930.384.265	1.823.831.734.961	(40.501.371)	1.353.502.040.987
Vay dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 21.2)*	39.030.761.018	47.319.009.323	39.030.761.018	-	47.319.009.323
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 21.3)*	6.817.241.681	8.769.291.964	6.817.241.681	-	8.769.291.964
	931.291.695.753	**2.348.018.685.552**	**1.869.679.737.660**	**(40.501.371)**	**1.409.590.342.274**
Vay dài hạn					
Vay dài hạn ngân hàng *(Thuyết minh số 21.2)*	112.462.114.764	11.190.793.738	52.231.841.017	12.380.560	71.433.448.045
Nợ thuê tài chính dài hạn *(Thuyết minh số 21.3)*	9.526.234.948	23.628.192.910	10.767.223.883	-	22.387.203.975
Trái phiếu phát hành dài hạn *(Thuyết minh số 21.4)*	-	230.000.000.000	8.592.000.000	-	221.408.000.000
	121.988.349.712	**264.818.986.648**	**71.591.064.900**	**12.380.560**	**315.228.652.020**
TỔNG CỘNG	**1.053.280.245.465**	**2.612.837.672.200**	**1.941.270.802.560**	**(28.120.811)**	**1.724.818.994.294**

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 *Vay ngắn hạn*

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	287.228.179.780 (Trong đó có 131.899,47 USD tương đương 3.017.234.859 VND)	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 12 tháng 9 năm 2022, lãi được trả ngày 25 hàng tháng.	Từ 7,2% đến 7,5% cho VND, và 3,2% cho USD	Hệ thống nhà xưởng xây dựng trên thửa đất Nhà máy 1, một số máy móc thiết bị của Công ty và 4 xe ô tô (xe ô tô con AUDI 89A-066.43, xe ô tô con TOYOTA INNOVA 83A-013.21, xe ô tô tải MITSUBISHI 89C-134.90) của công ty tổng giá trị 77,5 tỷ; Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Bà Ngô Kim Dung trị giá 5 tỷ VND; Hợp đồng tiền gửi của công ty trị giá 5 tỷ VND và trái phiếu dài hạn của Agribank 7 năm trị giá 15 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - chi nhánh Thanh Xuân	396.600.613.230	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 28 tháng 3 năm 2022; lãi được trả ngày 5 hàng tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc lần cuối vào ngày 29 tháng 9 năm 2022; lãi được trả hàng tháng.	Từ 6,3% đến 7,8% cho VND	Máy móc thiết bị trị giá 56,52 tỷ VND; Hàng tồn kho tối thiểu tại Công ty do ngân hàng quản lý trị giá 217,29 tỷ VND, 6 xe ô tô trị giá 2,26 tỷ VND (ô tô HUYNDAI 89C-125.29, ô tô TOYOTA FORTUNER 89A-095.26, ô tô HINO 89C-050.83, ô tô TOYOTA 89B-006.90, ô tô TOYOTA 89C-050.63; ô tô TOYOTA 89B-006.90); Các hợp đồng tiền gửi trị giá 28,75 tỷ VND của Công ty; Sổ tiết kiệm 5 tỷ VND mang tên Bà Ngô Kim Dung và một số tài sản có giá trị khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	92.968.685.974 VND (Trong đó có 126.888,84 USD tương đương 2.907.018.742 VND)	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 26 tháng 2 năm 2022; lãi được trả ngày 25 hàng tháng. Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 30 tháng 9 năm 2022; lãi được được trả hàng tháng.	Từ 7% đến 7,8% cho VND, và 4% cho USD	Bất động sản cá nhân, máy móc thiết bị trị giá 20,373 tỷ VND và hàng tồn kho luân chuyển trị giá 120 tỷ VND.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	39.790.893.262	Kỳ hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 9 tháng, ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 30 tháng 9 năm 2022. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	7,9%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 *Vay ngắn hạn (tiếp theo)*

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	24.511.968.283	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 19 tháng 5 năm 2022; lãi được trả ngày 25 hàng tháng.	Từ 7,5% đến 9,4% cho VND	Quyền đòi nợ trị giá 43 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long	39.758.336.820	Kỳ hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng, ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 6 tháng 6 năm 2022. Lãi trả hàng tháng.	Từ 8,7% – 9,4%	4,3 triệu cổ phiếu Công ty
Ngân hàng Sinopecs - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	22.601.410.800	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 24 tháng 2 năm 2022; lãi được trả ngày 27 hàng tháng.	7% cho VND	Hợp đồng tiền gửi trị giá 9,4 tỷ VND của Công ty
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1	305.422.724.897 (Trong đó có 152.406,64 USD tương đương 3.491.636.122VND)	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 29 tháng 3 năm 2022; lãi được trả ngày 25 hàng tháng.	Từ 7,5% cho VND, và 4,7% cho USD	Các hợp đồng tiền gửi trị giá 71,85 tỷ VND đồng. Bất động sản cá nhân trị giá 46,9 tỷ VND. Xe ô tô Fortuner biển số 89A-193.30 trị giá 0,61 tỷ.
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	26.983.097.875	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 16 tháng 8 năm 2022; lãi được trả ngày 25 hàng tháng.	7,2% cho VND	Hợp đồng tiền gửi trị giá 9 tỷ VND và khoản phải thu luân chuyển trị giá 4,5 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	49.511.754.827	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 31 tháng 5 năm 2022; lãi được trả ngày 25 hàng tháng	6,5% cho VND	Hợp đồng tiền gửi trị giá 10 tỷ đồng.
Ngân hàng Hongleong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	87.124.975.238 (Trong đó có 711.076,99 USD tương đương 16.290.773.641VND)	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 10 tháng 9 năm 2022; lãi được trả ngày 21 hàng tháng.	4,8% và 2,4% cho USD	Hợp đồng tiền gửi trị giá 10 tỷ đồng
Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	50.000.000.000	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 28 tháng 3 năm 2022.	11% cho VND	Cổ phiếu của cá nhân với giá trị 126 tỷ đồng.
TỔNG CỘNG	**1.353.502.940.887**			

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 *Vay dài hạn ngân hàng*

Đối tượng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	56.024.330.672	Gốc vay đến hạn theo từng khế ước vay và ngày cuối cùng là 13 tháng 07 năm 2024; lãi được trả hàng tháng.	9% đến 11,3% cho VND, và 7,3% cho USD	Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	*22.871.901.909*			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thanh Xuân	4.636.525.800 (tương ứng với 202.380 USD)	Gốc vay đến hạn theo từng khế ước vay và ngày cuối cùng là 12 tháng 7 năm 2024, lãi được trả hàng tháng.	7,3% cho USD	Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	*2.343.967.920 (tương ứng với 102.312 USD*			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	18.344.786.846	Gốc vay được trả theo từng khế ước vay và ngày cuối cùng là 25 tháng 12 năm 2026; lãi được trả hàng tháng.	Từ 7% đến 11,5% cho VND	Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	*8.274.139.495*			
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	36.002.806.060	Gốc vay đến hạn theo từng khế ước vay và ngày cuối cùng là 25 tháng 6 năm 2024; lãi được trả hàng tháng.	10%	Tài sản hình thành từ vốn vay.
- Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	*13.000.000.000*			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch số 1	3.054.006.000	Gốc vay đến hạn theo từng khế ước vay và ngày cuối cùng là 29 tháng 11 năm 2026; lãi được trả hàng tháng.	8,5%	Tài sản hình thành từ vốn vay.
Trong đó: Nợ đến hạn trả	*640.000.000*			

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 *Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)*

Đối tượng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô	690.000.000	Gốc vay đến hạn theo từng khế ước vay và ngày cuối cùng là 10 tháng 8 năm 2025, lãi được trả hàng tháng.	Lãi suất 8,5%	Xe ô tô của Công ty với giá trị 1.650.000.0000 VND.
Trong đó: Nợ đến hạn trả	*189.000.000*			
TỔNG CỘNG	**118.752.457.368**			
Trong đó:				
- *Vay dài hạn đến hạn trả*	*47.319.009.323*			
- *Vay dài hạn*	*71.433.448.045*			

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 *Nợ thuê tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Từ 1 năm trở xuống	10.571.139.929	1.801.847.965	8.769.291.964	8.056.756.698	1.238.616.017	6.817.241.681
Nợ thuê tài chính dài hạn						
1 - 5 năm	28.109.299.059	3.722.095.084	22.387.203.975	10.611.119.578	1.084.884.630	9.526.234.948
TỔNG CỘNG	**38.680.438.988**	**5.523.943.049**	**31.156.495.939**	**18.668.876.276**	**2.323.399.647**	**16.343.476.629**

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.4 *Trái phiếu phát hành*

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*	*Giá trị*	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*
Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (*)	20.000.000.000	9%	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 1 tháng 9 năm 2024; lãi được trả 6 tháng/ lần	-	-	-
Ông Shin Dong Ki (*)	8.000.000.000	9%	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 1 tháng 9 năm 2024; lãi được trả 6 tháng/ lần	-	-	-
Ông Min In Sook (*)	2.000.000.000	9%	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 1 tháng 9 năm 2024; lãi được trả 6 tháng/ lần	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh (**)	100.000.000.000	9%	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 1 tháng 9 năm 2024; lãi được trả 6 tháng/ lần	-	-	-
Ngân hàng KEB HANA - chi nhánh Hà Nội (***)	100.000.000.000	9%	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 1 tháng 9 năm 2024; lãi được trả 6 tháng/ lần	-	-	-
Chi phí phát hành khoản vay chưa được phân bổ	*(8.592.000.000)*					
TỔNG CỘNG	**221.408.000.000**			-		

(*) Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.08/2021/HĐĐM/TDP-MAS giữa Công ty và Công ty TNHH Chứng khoán Mirae asset (Việt Nam), vào ngày 30 tháng 8 năm 2021, Công ty đã phát hành 30 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 30 tỷ đồng, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành trái phiếu. Sau đó, vào ngày 1 tháng 10 năm 2021 Công ty TNHH Chứng khoán Mirae asset đã chuyển nhượng lại một phần trái phiếu cho 2 cá nhân là ông Shin Dong Ki và Min In Sook với tổng mệnh giá trái phiếu là 10 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- Cổ phiếu bảo đảm: 17.474.936 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Thuận Đức (TDP);
- Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) theo bảng kê trong hợp đồng; và
- Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thưởng, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm; các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.4 *Trái phiếu phát hành*

(**) Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.8/2021/HDĐM/TDP-SHINHANBANK giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày 30 tháng 8 năm 2021, Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ đồng, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- Cổ phiếu bảo đảm: 17.474.938 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Thuận Đức (TDP);
- Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo bảng kê trong hợp đồng; và
- Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thưởng, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm; các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác.

(***) Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.08/2021/HDĐM/TDP-KEBHANA giữa Công ty và Ngân hàng KEB HANA - chi nhánh Hà Nội, vào ngày 30 tháng 8 năm 2021, Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ đồng, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- Cổ phiếu bảo đảm: 19.772.299 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Thuận Đức (TDP);
- Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Công ty Ngân hàng KEB HANA – Chi nhánh Hà Nội theo bảng kê trong hợp đồng; và
- Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thưởng, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm; các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước					
Số đầu năm	479.999.990.000	(5.477.782.055)	3.000.000.000	80.961.648.369	558.483.856.314
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	57.598.380.000	-	-	(57.598.380.000)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	72.708.178.252	72.708.178.252
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.200.000.000	(6.200.000.000)	-
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Số cuối năm	537.598.370.000	(5.477.782.055)	9.200.000.000	89.583.446.621	630.904.034.566
Năm nay					
Số đầu năm	537.598.370.000	(5.477.782.055)	9.200.000.000	89.583.446.621	630.904.034.566
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	64.510.650.000	-	-	(64.510.650.000)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	86.818.655.530	86.818.655.530
- Quỹ khác của chủ sở hữu	-	2.979.951.500	-	-	2.979.951.500
- Trích quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	7.000.000.000	(7.000.000.000)	-
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (ii)	-	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Số cuối năm	602.109.020.000	(2.497.830.555)	16.200.000.000	104.531.452.151	720.342.641.596

(i) Vào ngày 5 tháng 7 năm 2021, Công ty đã nhận được công văn số 3316/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận Phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trả cổ tức của Công ty căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1506/2021/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2021 và các quy định khác của pháp luật. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là 6.451.065 cổ phiếu với tổng giá trị phát hành là 64.510.650.000 đồng theo Báo cáo kết quả phát hành số 2207/2021/BC-TDP ngày 22/07/2021 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(ii) Vào ngày 22 tháng 4 năm 2021, Công ty đã trích lập quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên số 2204/2021/NQ-ĐHĐCĐ-TDP.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 *Cổ phiếu*

	Số cuối năm *Số lượng*	*Số đầu năm* *Số lượng*
Cổ phiếu đã được duyệt	**60.210.902**	**53.759.837**
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	60.210.902	53.759.837
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.210.902	53.759.837

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2020: 10.000 đồng/cổ phiếu).

23. DOANH THU

23.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**2.440.119.991.364**	**1.376.643.766.627**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*2.435.599.134.968*	*1.370.246.685.502*
Doanh thu khác	*4.520.656.876*	*5.597.081.125*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(10.503.540)**	**(142.208.050)**
Doanh thu thuần	**2.440.109.488.324**	**1.376.701.558.577**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*2.368.270.777.905*	*1.365.697.618.577*
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*71.838.710.419*	*10.003.940.000*

23.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi	20.117.863.617	7.331.787.924
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.162.590.308	1.235.372.546
Doanh thu khác	531.131.032	-
TỔNG CỘNG	**22.811.584.957**	**8.567.160.470**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hàng bán	2.128.458.829.908	1.137.033.310.599
Giá vốn khác	2.098.546.764	1.172.543.280
TỔNG CỘNG	**2.130.557.376.672**	**1.138.205.853.879**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền vay	107.837.523.435	80.381.710.068
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.006.982.577	460.220.265
Lãi mua hàng trả chậm	523.808.053	1.339.857.613
Lãi thuê tài chính	1.350.496.707	727.927.200
TỔNG CỘNG	**110.718.810.772**	**82.909.715.146**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	7.941.848.307	8.364.251.893
- Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình	457.063.064	23.100.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.368.862.072	9.488.051.571
- Chi phí bằng tiền khác	9.675.029.488	3.793.915.366
TỔNG CỘNG	**45.462.842.951**	**21.669.318.830**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	23.982.109.504	16.135.108.835
- Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình	5.462.566.976	2.898.901.109
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.581.655.902	1.697.359.752
- Chi phí bằng tiền khác	10.377.672.664	5.180.486.467
- Chi phí quản lý chung	17.158.412.903	18.223.635.357
TỔNG CỘNG	**62.562.417.951**	**44.135.691.520**

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác		
Các khoản thu nhập khác	172.100.026	484.938.641
TỔNG CỘNG	**172.100.026**	**484.938.641**
Chi phí khác		
Tiền phạt, truy thu	881.013.839	1.181.562.327
Chi phí khác	2.215.732.738	1.387.139.036
TỔNG CỘNG	**3.096.746.577**	**2.568.701.363**
LỖ KHÁC THUẦN	**(2.924.646.551)**	**(2.083.762.722)**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.766.800.654.616	825.018.570.696
Chi phí nhân công	157.877.384.575	123.737.535.114
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	54.271.661.455	44.919.541.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.279.909.792	128.450.313.634
Chi phí bằng tiền khác	75.792.144.273	109.996.629.564
TỔNG CỘNG	**2.191.821.954.711**	**1.232.122.790.697**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con trong năm hiện tại là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính năm có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 *Chi phí thuế TNDN*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.814.790.601	21.557.230.632
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	2.475.306.397
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(146.858.762)	(1.476.338.331)
TỔNG CỘNG	**23.667.931.839**	**22.556.198.698**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.486.587.389	95.264.378.950
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con (20%)	22.097.317.474	19.052.875.390
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	2.475.306.397
Chi phí khấu hao xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ	342.804.810	229.852.587
Chi phí lãi suất vượt quá 30% EBITDA	797.732.475	876.776.754
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ hợp lệ	166.689.417	283.415.138
Các khoản phạt	106.813.968	-
Các khoản điều chỉnh khác	186.791.142	-
Các khoản điều chỉnh giảm:		-
Khác	(30.417.447)	(362.027.568)
Chi phí thuế TNDN	**23.667.931.839**	**22.556.198.698**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

29.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	2.043.211.399	1.896.352.637	146.858.762	1.476.338.331
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	***2.043.211.399***	***1.896.352.637***		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			***146.858.762***	***1.476.338.331***

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Bán hạt nhựa, mảnh nhựa	-	10.003.940.000
		Bán vật tư	3.918.608.092	-
		Cho thuê máy	2.043.672.000	1.364.769.562
		Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	35.559.979.363	28.828.375.240
		Cung cấp dịch vụ	-	27.000.000
		Đặt cọc tiền mua hàng	-	20.500.000.000
		Phải thu lãi đặt cọc	1.140.229.971	582.424.000
		Chuyển tiền hợp tác đầu tư	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Lãi tiền đặt cọc	-	329.008.672
		Thu tiền lãi đặt cọc	329.008.672	-
		Bán sợi, hạt nhựa	65.876.430.327	-
		Góp vốn vào công ty liên kết	125.000.000.000	-
		Nhập mua nguyên vật liệu	22.000.005.100	-
		Thuê máy móc nhà xưởng	593.905.454	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Chuyển tiền hợp tác đầu tư	100.000.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	Thu tiền chi hộ	500.000.000	-
Bà Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT	Cho vay	-	10.000.000.000
		Thu tiền cho vay	10.000.000.000	-
		Thu tiền lãi cho vay	744.667.331	-
		Lãi cho vay phải thu	641.332.999	140.000.000
Bà Nguyễn Kim Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	Cho vay	-	200.000.000
		Thu tiền cho vay	200.000.000	6.066.667
		Lãi cho vay phải trả	21.268.001	-
		Thu tiền lãi cho vay	23.337.336	-
Ông Nguyễn Văn Thường	Thành viên HĐQT	Cho vay	-	200.000.000
		Thu tiền cho vay	200.000.000	-
		Lãi cho vay	12.067.001	6.066.667
		Thu tiền lãi cho vay	23.537.336	

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT	Cho vay	10.000.000.000	-
		Thu tiền cho vay	10.000.000.000	-
		Tạm ứng	10.000.000.000	-
		Thu tiền lãi cho vay	395.305.556	-
		Lãi cho vay phải thu	86.000.000	-
Ông Bùi Quang Sỹ	Tổng Giám đốc (Từ ngày 20 tháng 12 năm 2021)	Cho vay	15.000.000.000	-
		Thu tiền cho vay	15.000.000.000	-
		Tạm ứng	3.000.000.000	-
		Hoàn ứng	852.733.075	-
		Lãi cho vay phải thu	709.898.556	-
		Thu tiền lãi cho vay	1.360.545.556	-
Ông Bùi Thế Quyền	Thành viên HĐQT	Hoàn ứng	3.202.000.000	-
		Cho vay	3.000.000.000	-
		Thu tiền cho vay	3.000.000.000	-
		Lãi cho vay phải thu	315.334.333	-
		Thu tiền lãi cho vay	315.334.333	-
Ông Phạm Văn Chí	Thành viên HĐQT	Cho vay	5.000.000.000	200.000.000
		Thu tiền cho vay	5.200.000.000	-
		Lãi cho vay phải thu	154.357.001	6.066.667
		Thu tiền lãi cho vay	156.426.336	-

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thông thường thỏa thuận trong hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có bất cứ một khoản phải thu khó đòi nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (31 tháng 12 năm 2020: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Bán hạt nhựa, mành đệt	4.807.201.951	2.446.850.420
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Bán hạt nhựa	54.322.638.034	
TỔNG CỘNG			**59.129.839.985**	**2.446.850.420**
Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)				
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Công ty có cùng thành viên chủ chốt	Mua nguyên vật liệu	19.150.647.460	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	2.566.934.660	-
TỔNG CỘNG			**21.717.582.120**	**-**
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)				
Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT	Cho vay ngắn hạn	-	10.000.000.000
Nguyễn Kim Anh	Phó Tổng giám đốc (từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	Cho vay ngắn hạn	-	200.000.000
Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT	Cho vay ngắn hạn	-	200.000.000
Phạm Văn Chỉ	Thành viên HĐQT	Cho vay ngắn hạn	-	200.000.000
TỔNG CỘNG			**-**	**10.600.000.000**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Phải thu khác	-	329.008.672
Bùi Quang Sỹ	Tổng giám đốc (Từ ngày 20 tháng 12 năm 2021)	Tạm ứng	2.747.930.577	600.663.652
Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	Phải thu khác	592.000.115	1.092.000.115
Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT	Phải thu khác	2.400.000.000	1.103.334.332
Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT	Phải thu khác Tạm ứng	10.000.000.000 15.035.053.923	316.388.000 45.782.923
Phải thu các cá nhân khác	Thành viên trong HĐQT, Ban Giám Đốc	Phải thu khác	6.794.060	311.082.621
TỔNG CỘNG			**30.781.778.675**	**3.798.210.315**
Phải thu dài khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty CP Sản xuất bao bì Thái Yên	Công ty có cùng thành viên chủ chốt	Phải thu tiền hợp tác đầu tư	120.000.000.000	-
Công ty cổ phần Thuận Đức J6	Công ty có cùng thành viên chủ chốt	Phải thu tiền hợp tác đầu tư	100.000.000.000	-
			220.000.000.000	**-**
Phải trả ngắn hạn cho người bán (Thuyết minh số 17.1)				
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Cùng Chủ tịch HĐQT	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	-	7.683.375.240
TỔNG CỘNG			**-**	**7.683.375.240**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Chức vụ	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	773.507.538	503.607.538
Bà Nguyễn Kim Anh	Tổng Giám đốc/Phó tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021/ Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021)	273.000.000	244.749.636
Bà Ngô Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	760.874.308	502.874.308
Ông Bùi Quang Sỹ	Tổng Giám đốc (Từ ngày 20 tháng 12 năm 2021)	742.874.308	503.374.306
Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT	18.000.000	377.050.000
Ông Trần Văn Huỳnh	Giám đốc Tài chính	321.908.038	-
TỔNG CỘNG		**2.890.164.192**	**2.131.565.792**

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về khu vực địa lý nơi Công ty cung cấp sản phẩm. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo khu vực địa lý nơi Công ty cung cấp sản phẩm với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

	Xuất khẩu	*Trong nước*	*Tổng cộng*
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*464.224.484.503*	*1.975.885.003.821*	*2.440.109.488.324*
Giá vốn các bộ phận	*(353.679.953.494)*	*(1.776.877.423.078)*	*(2.130.557.376.572)*
Kết quả			
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	*110.544.531.009*	*199.007.580.743*	*309.552.111.752*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)			*(199.065.524.383)*
Lợi nhuận trước thuế			*110.486.587.369*
Chi phí thuế TNDN			*(23.667.931.839)*
Lợi nhuận thuần sau thuế			**86.818.655.530**
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	*23.456.369.107*	*24.020.919.896*	*47.477.289.003*
Tài sản không phân bổ (**)			*2.692.040.978.741*
Tổng tài sản			**2.739.518.267.744**
Công nợ bộ phận			-
Công nợ không phân bổ (**)			*2.019.175.626.148*
Tổng công nợ			**2.019.175.626.148**

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Toàn bộ tài sản và nợ phải trả của Công ty được dùng chung cho các lĩnh vực kinh doanh nên không thể phân bổ theo bộ phận được.

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

	Xuất khẩu	*Trong nước*	*Tổng cộng*
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*307.374.631.112*	*1.068.326.927.465*	*1.375.701.558.577*
Giá vốn các bộ phận	*(226.562.077.525)*	*(911.643.776.354)*	*(1.138.205.853.879)*
Kết quả			
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	*80.812.553.587*	*156.683.151.111*	*237.495.704.698*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)			*(142.231.327.748)*
Lợi nhuận trước thuế			*95.264.376.950*
Chi phí thuế TNDN			*(22.556.198.698)*
Lợi nhuận thuần sau thuế			**72.708.178.252**
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận			-
Tài sản không phân bổ (**)			*1.830.147.922.989*
Tổng tài sản			**1.830.147.922.989**
Công nợ bộ phận			-
Công nợ không phân bổ (**)			*1.199.243.888.423*
Tổng công nợ			**1.199.243.888.423**

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Toàn bộ tài sản và nợ phải trả của Công ty được dùng chung cho các bộ phận theo khu vực địa lý nên không thể phân bổ theo bộ phận được.

32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	646.306	196.390
- Euro (EUR)	660	572

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê kho và quyền sử dụng đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	8.950.614.080	9.959.620.852
Từ 1 - 5 năm	13.428.717.140	11.822.756.003
Trên 5 năm	8.457.865.500	8.494.965.352
TỔNG CỘNG	**30.837.396.720**	**30.277.342.207**

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước (Trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	86.818.655.530	72.708.178.252
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	86.818.655.530	72.708.178.252
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	86.818.655.530	72.708.178.252
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	60.210.902	53.7599.837
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong tháng 7 năm 2021 (**)	-	6.451.065
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.	**60.210.902**	**60.210.902**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.442	1.208
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.442	1.208

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Theo các Nghị quyết Hội đồng quản trị, Biên bản họp Hội đồng quản trị số 2210/2020/BB-HĐQT ngày 22 tháng 10 năm 2020 đã thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền là 57.598.380.000 VND tương ứng với 5.759.838 cổ phiếu, theo đó bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lại cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh tăng 5.759.838 cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 1506/2021/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 15 tháng 6 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu, theo đó, cổ tức được chia bằng 12%/vốn điều lệ với giá trị tương ứng khoảng 64,511 tỷ VND. Tại ngày 27 tháng 7 năm 2021, Ủy Ban chứng khoán đã gửi thông báo số 398/UBCK- QLCB chấp nhận việc thực hiện việc phân phối 6.451.065 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Lê Thị Thường Người lập	Bùi Thị Hằng Kế toán trưởng	Bùi Quang Sỹ Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2022 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn

Công ty Cổ phần Thuận Đức

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Building a better working world

Công ty Cổ phần Thuận Đức

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 52

Công ty Cổ phần Thuận Đức

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh số 0900264799, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 11 tháng 1 năm 2023.

Theo Quyết định số 403/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán "TDP" đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bao bì dệt PP chất lượng cao phục vụ trong nước, xuất khẩu và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và chi nhánh tại số 851, khu phố Thủ Tửu 2, phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch	
Bà Ngô Kim Dung	Thành viên	
Bà Nguyễn Kim Anh	Thành viên	
Ông Phạm Văn Chỉ	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên	
Ông Bùi Quang Sỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Văn Huỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2022
Ông Lê Văn Quang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2022
Ông Bùi Thế Quyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Huy Hoàng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2022
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên	Từ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2023
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2022
Bà Hoàng Thị Hằng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2022

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Sỹ	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Kim Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Ngô Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Huỳnh	Giám đốc Tài chính	Miễn nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2022

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Nguyễn Đức Cường, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Bùi Quang Sỹ, Tổng Giám đốc, được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 1801/2022/UQ-CTHĐQT ngày 18 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Bùi Quang Sỹ
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, Corner Stone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 12122202/22964373

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Thuận Đức

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Lê Hồng Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4432-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2023

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.899.745.884.179**	**1,476,935,630,799**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***289.062.326.831***	***65.441.403.640***
111	1. Tiền		59.062.326.831	65,441,403,640
112	2. Các khoản tương đương tiền		230.000.000.000	-
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***324.407.575.000***	***154.925.400.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	324 407.575.000	154.925.400.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***587.556.163.262***	***517.930.925.166***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	341.140.530.292	249.967.747.695
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	210 566.087.797	98.331.643.994
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	-	66.400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	35 848.545.173	103 231.533.477
140	***IV. Hàng tồn kho***	***10***	***864.182.446.240***	***724.740.210.849***
141	1. Hàng tồn kho		864 182.446.240	724 740.210 849
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***34.518.370.846***	***13.897.691.144***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	5.648,748,303	1 527.731.880
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		28,869,622,543	12.350.857.664
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	19.101.600

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**997.782.146.706**	**831.311.124.788**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***207.046.152.036***	***194.189.847.543***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	6.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	201.046.152.036	194.189.847.543
220	***II. Tài sản cố định***		***350.901.399.929***	***323.993.333.775***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	324.161.463.678	287.577.852.537
222	Nguyên giá		529.796.641.864	454.194.978.346
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(205.635.178.186)	(166.617.125.809)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	54.453.577.273	35.339.480.981
225	Nguyên giá		61.283.985.172	40.517.251.070
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.830.407.899)	(5.177.770.089)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	2.286.358.978	1.076.000.257
228	Nguyên giá		2.965.467.500	1.354.517.500
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(679.108.522)	(278.517.243)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn khác***		***2.195.585.114***	***21.034.041.685***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	2.195.585.114	21.034.041.685
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***397.232.169.975***	***378.500.000.000***
251	1. Đầu tư vào công ty con	15	210.000.000.000	190.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15	158.500.000.000	158.500.000.000
253	3. Đầu tư vào đơn vị khác	15	15.000.000.000	15.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15	(1.267.840.025)	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	15.000.000.000	15.000.000.000
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***10.326.849.652***	***13.593.901.803***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	10.326.849.652	13.593.901.803
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.897.448.030.885**	**2.408.248.755.585**

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**2.096.814.463.189**	**1.688.962.067.868**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***1.820.046.364.139***	***1.404.707.503.490***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	130.498.726.505	171.333.881.555
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	16.495.465.014	32.727.393.535
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	22.867.820.731	17.949.716.223
314	4. Phải trả người lao động		9.571.093.946	12.993.786.229
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	10.967.722.410	10.156.062.961
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.344.956.205	304.465.025
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	1.629.310.579.328	1.159.242.217.962
330	***II. Nợ dài hạn***		***276.768.099.050***	***284.254.554.378***
337	1. Phải trả dài hạn khác		3.405.331.698	1.913.587.359
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	273.362.767.352	282.340.967.019
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**800.633.567.696**	**719.284.697.717**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***22***	***800.633.567.696***	***719.284.697.717***
411	1. Vốn cổ phần		674.359.400.000	602.109.020.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*674.359.400.000*	*602.109.020.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		16.200.000.000	16.200.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		110.074.167.696	100.975.677.717
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*28.365.297.717*	*16.461.428.684*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*81.708.869.979*	*84.514.249.033*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.897.448.030.885**	**2.408.246.765.585**

Lê Thị Thường	Bùi Thị Hằng	Bùi Quang Sỹ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.916.664.656.466	2.168.193.909.459
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.916.664.656.466	2.168.193.909.459
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(2.618.693.282.017)	(1.925.026.907.579)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		297.971.374.449	243.167.001.880
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	62.189.719.571	40.514.510.509
22 23	7. Chi phí tài chính *Trong đó: Chi phí lãi vay*	25	(136.490.993.240) *(131.017.233.237)*	(87.745.799.070) *(84.864.511.733)*
25	8. Chi phí bán hàng	25	(44.281.403.871)	(42.388.007.222)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(68.615.365.554)	(48.716.905.414)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		108.773.331.356	104.831.800.683
31	11. Thu nhập khác	27	62.476.459	152.087.236
32	12. Chi phí khác	27	(4.184.449.764)	(2.843.281.744)
40	13. Lỗ khác	27	(4.121.974.305)	(2.691.194.508)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		104.651.357.050	102.140.606.175
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(22.942.487.071)	(17.626.357.142)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		81.708.869.979	84.514.249.033

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Lê Thị Thường	Bùi Thị Hằng	Bùi Quang Sỹ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**104.661.357.050**	**102.140.606.175**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình		45.783.782.852	38.521 789.058
03	Các khoản dự phòng		1.267.840.025	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(260.930.143)	(218.876 793)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(52.060.353 464)	(37.762.650.465)
06	Chi phí lãi vay		134.239.233.237	86.215.008.440
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**233.600.929.557**	**188.895.876.415**
09	Tăng các khoản phải thu		(87.558.388 464)	(142.514.817 143)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		60 557.764.609	(3.024.814 885)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(35.533.844.772)	56.873.645.173
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		2.763.435.693	(2.579.057 700)
14	Tiền lãi vay đã trả		(129.232.823.048)	(78.525.040.040)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.907.793.807)	(14.416.784.044)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(260.600.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**26.689.299.768**	**4.448.407.796**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(153.285.433.904)	(122.478.711.277)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.454.545.455
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(369.982.175 000)	(256.275.400.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		260.900.000.000	118.800.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn và hợp tác kinh doanh vào đơn vị khác		(52.765.420.680)	(381.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.614.201.198	19.781 864.567
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(269.518.828.386)**	**(619.717.701.255)**

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.671.600.532.270	2.132.678.852.971
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.199.081.639.931)	(1.513.704.064.336)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(6.260.201.056)	(4.308.150.773)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**466.458.691.283**	**614.666.637.862**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**223.629.162.665**	**(602.655.597)**
60	**Tiền đầu năm**		**65.441.403.640**	**66.799.237.929**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.762.526	244.821.308
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	5	**289.082.328.831**	**65.441.403.640**

Lê Thị Thường	Bùi Thị Hằng	Bùi Quang Sỹ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thuận Đức ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh số 0900264799, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 11 tháng 1 năm 2023.

Theo Quyết định số 403/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán "TDP" đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bao bì dệt PP chất lượng cao phục vụ trong nước, xuất khẩu và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và chi nhánh tại số 851, Khu phố Thủ Tửu 2, Phường Tân Khánh, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Tổng số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 898 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 872 người)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính trong năm*
1	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên ("Công ty Thuận Đức Hưng Yên")	100%	100%	Thôn Lương Hội, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Sản xuất bao bì từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty cũng có một khoản đầu tư vào công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 15

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cùng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho khác trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng, giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro về lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo tỉ suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ này khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm sản xuất và sản phẩm thương mại trên thị trường nội địa trong nước và thị trường xuất khẩu. Ban Giám đốc xác định bộ phận dựa theo thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu .

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Vào ngày 26 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức đã thông qua Nghị quyết số 2605/2022/NQ-HĐQT về việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Thuận Đức IP (trước đây là TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức) cho các cá nhân khác, đồng thời đổi tên và loại hình doanh nghiệp của công ty này. Tại ngày 31 tháng 5 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng và theo đó, Công ty Cổ phần Thuận Đức IP không còn là công ty con của Công ty từ ngày này. Khoản lãi phát sinh từ giao dịch thoái vốn vào công ty con này là 1.824.469.462 VND, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	2.772.109.668	5.038.506.395
Tiền gửi ngân hàng	56.310.219.173	60.402.897.245
Các khoản tương đương tiền (*)	230.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	**289.082.328.831**	**65.441.403.640**

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 đến 2 tháng với lãi suất 5,95%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	324.407.575.000	324.407.575.000	154.925.400.000	154.925.400.000
TỔNG CỘNG	**324.407.575.000**	**324.407.575.000**	**154.925.400.000**	**154.925.400.000**
Dài hạn				
Đầu tư trái phiếu (**)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**

(*) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 9 đến 12 tháng hưởng lãi suất từ 3,4% đến 7,5%/năm (năm 2021: 3,4% đến 5,8%/năm).

(**) Bao gồm khoản trái phiếu có kỳ hạn 7 năm do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên phát hành, lãi suất theo công bố của ngân hàng là từ 6,9% đến 7,2%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và khoản trái phiếu này được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1. *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ khách hàng	163.390.921.153	161.551.548.099
- *Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Anh*	*15.438.544.000*	*10.332.380.325*
- *Công ty Cổ phần Dịch vụ Thái Bình Dương*	*12.890.061.247*	*1.804.435.957*
- *Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Sông Hồng*	*12.369.186.000*	-
- *Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Sao Việt*	*11.046.475.000*	-
- *Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel*	*5.445.000.000*	*38.958.616.000*
- *Ly Eco Pak Limited*	*1.112.490.254*	*12.376.913.200*
- *Công ty Cổ phần Maruni Quốc tế*	-	*19.707.167.500*
- *Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế EMC*	-	*10.057.022.950*
- *Phải thu khách hàng khác*	*105.087.164.652*	*68.315.012.167*
Phải thu từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	177.749.609.139	88.416.199.596
TỔNG CỘNG	**341.140.530.292**	**249.967.747.695**

Một số khoản phải thu được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

7.2. *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	185.951.121.746	90.881.161.638
- *Các hộ kinh doanh*	*59.474.881.871*	-
- *Công ty Cổ phần Thái Thuận Hưng*	*53.269.303.530*	*67.500.000.000*
- *Công ty Cổ phần TD IP (trước đây là Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức)*	*42.900.218.776*	-
- *Bùi Văn Tư*	-	*11.494.106.000*
- *Các khoản trả trước khác*	*30.306.717.569*	*11.887.053.638*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	24.614.966.051	7.450.482.356
TỔNG CỘNG	**210.566.087.797**	**98.331.643.994**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Cán bộ nhân viên	-	66.400.000.000
TỔNG CỘNG	**-**	**66.400.000.000**
Dài hạn		
Cán bộ nhân viên (*)	6.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	**6.000.000.000**	**-**

(*) Đây là các khoản cho vay cá nhân là cán bộ nhân viên của Công ty theo chính sách ưu đãi hỗ trợ người lao động, được đảm bảo bằng việc cam kết tiếp tục làm việc cho Công ty từ 5 năm trở lên, kỳ hạn theo từng hợp đồng vay, lãi suất từ 8% đến 12%/năm.

9. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	300.000.000	-	62.800.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.301.696.169	-	30.110.542.091	-
Lãi tiền gửi và cho vay	18.775.143.537	-	7.328.991.271	-
Phải thu ngắn hạn khác	15.471.705.467	-	2.992.000.115	-
TỔNG CỘNG	**35.848.545.173**	**-**	**103.231.833.477**	**-**
Trong đó:				
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*15.714.456.591*	-	*30.781.778.675*	-
Phải thu ngắn hạn khác	*20.134.088.582*	-	*72.449.754.802*	-
Dài hạn				
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	193.833.420.680	-	170.000.000.000	-
Lợi nhuận được chia	-	-	20.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.805.071.655	-	2.244.697.379	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	3.407.659.701	-	1.945.150.164	-
TỔNG CỘNG	**201.046.152.036**	**-**	**194.189.847.543**	**-**
Trong đó:				
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*193.833.420.680*	-	*190.000.000.000*	-
Phải thu dài hạn khác	*7.212.731.356*	-	*4.189.847.543*	-

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm:

- Khoản góp vốn 70 tỷ VND theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên, Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên (công ty con của Công ty) và Công ty cho mục đích góp vốn mở rộng nhà máy sản xuất bao bì Thái Yên. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số HĐHTDT/01/2021 ký ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa ba bên, Công ty sẽ được chia lợi nhuận sau thuế hoặc chịu lỗ từ dự án theo tỷ lệ góp vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, dự án đang trong quá trình sản xuất.

- Khoản góp vốn 100 tỷ VND theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Thuận Đức JB và Công ty cho mục đích xây dựng nhà máy sản xuất bao bì JB. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0510/2021/TTHTĐT/01 ký ngày 5 tháng 10 năm 2021, Công ty sẽ được chia lợi nhuận sau thuế hoặc chịu lỗ từ dự án theo tỷ lệ góp vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, dự án đang trong quá trình xây dựng.

- Khoản góp vốn 23,8 tỷ VND theo hợp đồng hợp tác giữa Công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn và Công ty cho mục đích thực hiện dự án "Nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu". Theo thỏa thuận góp vốn đầu tư dự án ký ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa hai bên, Công ty sẽ được chia lợi nhuận sau thuế hoặc chịu lỗ từ dự án theo tỷ lệ góp vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, dự án đang trong quá trình xây dựng.

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Nguyên vật liệu	196.150.205.460	-	240.251.315.091	-
Công cụ, dụng cụ	27.386.704.806	-	17.727.184.195	-
Hàng hóa	19.490.689.962	-	37.266.775.995	-
Bán thành phẩm	167.092.824.458	-	137.383.377.968	
Thành phẩm	254.062.021.554	-	292.111.557.600	-
TỔNG CỘNG	**664.182.446.240**	**-**	**724.740.210.849**	**-**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số hàng tồn kho luân chuyển của Công ty được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị, dụng cụ quản lý*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	85.751.929.818	315.738.861.528	47.103.431.693	4.884.555.307	716.200.000	454.194.978.346
- Mua trong năm	2.056.882.761	926.156.024	-	101.624.074	-	3.086.661.859
- Đầu tư XDCB hoàn thành	65.939.702.155	6.847.748.260	110.331.717	877.216.141	95.000.000	73.870.000.263
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	12.503.579.241	2.148.443.063	-	-	14.652.022.304
- Thanh lý, nhượng bán	-	(13.246.659.663)	(2.760.361.245)	-	-	(16.007.020.908)
Số cuối năm	153.750.514.734	322.769.684.390	46.601.845.228	5.863.397.522	811.200.000	529.796.641.864
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*3.589.969.755*	*9.790.938.470*	*10.727.564.934*	*594.712.597*	-	*24.703.185.756*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	24.861.935.888	115.243.978.881	24.774.401.279	1.662.205.691	74.604.170	166.617.125.809
- Khấu hao trong năm	6.565.684.098	27.448.321.813	4.381.263.675	696.121.970	99.025.002	39.190.416.558
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	2.882.121.624	1.658.015.581	-	-	4.540.137.205
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.852.030.717)	(1.860.470.669)	-	-	(4.712.501.386)
Số cuối năm	31.427.619.986	142.722.391.601	28.953.209.866	2.358.327.661	173.629.172	205.635.178.186
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	60.889.993.930	200.494.882.647	22.329.030.414	3.222.349.716	641.595.830	287.577.852.537
Số cuối năm	122.322.894.748	180.047.292.779	17.648.635.362	3.505.069.961	637.570.828	324.161.463.678

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số tài sản cố định của Công ty đang được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 21.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	*Phương tiện vận tải*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	16.898.704.828	23.618.546.242	40.517.251.070
- Thuê mới trong năm	24.749.569.884	10.425.709.378	35.175.279.262
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(12.267.431.191)	(2.141.113.969)	(14 408 545.160)
- Phân loại lại	(363.636.364)	363.636.364	-
Số cuối năm	29.017 207.157	32.266.778.015	61.283.985 172
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	2.112.965.306	3.064 784.783	5.177.770.089
- Khấu hao trong năm	1.918.814.140	4.273.960.875	6 192.775.016
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(2.882.121.624)	(1.658.015.561)	(4.540.137.205)
- Phân loại lại	(325.714.274)	325.714.274	-
Số cuối năm	823.963.548	6.006.444.351	6.830.407.899
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	14.785.719.522	20.553.761.459	35 339.480.961
Số cuối năm	28.193.243.609	26 260.333 664	54 453.577.273

Công ty thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê tài chính. Theo các hợp đồng này, Công ty có thể mua lại máy móc thiết bị khi thời hạn thuê hết hạn từ ngày 19 tháng 4 năm 2023 đến ngày 25 tháng 11 năm 2027. Các tài sản thuê tài chính này cũng được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản nợ thuê tài chính được trình bày ở Thuyết minh số 21.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm	1.354.517.500
Mua mới trong năm	1.610.950.000
Số cuối năm	2.965.467.500
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	*143.200.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	278.517.243
Hao mòn trong năm	400.591.279
Số cuối năm	679.108.522
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	1.076.000.257
Số cuối năm	2.286.358.978

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Máy móc, thiết bị đang lắp đặt	1.412.655.696	1.713.872.380
Chi phí xây dựng nhà máy	619.727.273	17.192.234.545
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	163.202.145	2.127.934.740
TỔNG CỘNG	**2.195.585.114**	**21.034.041.665**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
		Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*
Đầu tư vào công ty con	*15.1*						
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên ("Công ty Thuận Đức Hưng Yên")		210.000.000.000	-	210.000.000.000	170.000.000.000	-	170.000.000.000
Công ty TNHH TD IP (trước đây là Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức)		-	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
TỔNG CỘNG		**210.000.000.000**	**-**	**210.000.000.000**	**190.000.000.000**	**-**	**190.000.000.000**
Đầu tư vào công ty liên kết	*15.2*						
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco ("Công ty Thuận Đức Eco")		158.500.000.000	(1.267.840.025)	157.232.159.975	158.500.000.000	-	158.500.000.000
TỔNG CỘNG		**158.500.000.000**	**(1.267.840.025)**	**157.232.159.975**	**158.500.000.000**	**-**	**158.500.000.000**
Đầu tư vào các đơn vị khác	*15.3*						
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn ("Công ty Thuận Đức Bỉm Sơn")		15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000
TỔNG CỘNG		**15.000.000.000**	**-**	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**	**-**	**15.000.000.000**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 *Đầu tư vào công ty con*

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại công ty con như sau:

		Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Vốn Chủ sở hữu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp VND	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*
Công ty Thuận Đức Hưng Yên	170.000.000.000	100%	100%	100%	100%

Vào ngày 26 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuận Đức đã thông qua Nghị quyết số 2605/2022/NQ-HĐQT về việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH TD IP (trước đây là Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức) cho các cá nhân khác, đồng thời đổi tên và loại hình doanh nghiệp của công ty này. Tại ngày 30 tháng 5 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng với giá phí là 20.000.000.000 VND và theo đó, Công ty TNHH TD IP không còn là công ty con của Công ty từ ngày này.

Công ty không thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con này.

15.2 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết như sau:

		Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Vốn Chủ sở hữu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp VND	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*
Công ty Thuận Đức Eco	425.000.000.000	37,3%	37,3%	37,3%	37,3%

Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco ("Công ty Thuận Đức Eco") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0901027871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22 tháng 1 năm 2018 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 12 tháng 5 năm 2022. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm từ nhựa và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Công ty có trụ sở chính tại thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Công ty không thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ ở Công ty Thuận Đức Eco do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại đơn vị khác như sau:

		Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Vốn chủ sở hữu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp VND	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*	*Tỷ lệ vốn sở hữu %*	*Tỷ lệ biểu quyết %*
Công ty Thuận Đức Bỉm Sơn	100.000.000.000	15%	15%	15%	15%

Công ty không thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ ở Công ty Thuận Đức Bỉm Sơn do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Chi phí thuê kho	1.795.574.331	554.704.001
Phí bảo hiểm	1.243.098.658	409.877.932
Chi phí khác	2.610.075.314	583.149.947
TỔNG CỘNG	**5.648.748.303**	**1.527.731.880**
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.333.568.244	12.464.753.560
Chi phí giải phóng mặt bằng	748.134.593	843.391.921
Chi phí khác	2.245.146.815	285.756.322
TỔNG CỘNG	**10.326.849.652**	**13.593.901.803**

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

17.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công ty Cổ phần Stavian hóa chất	35.229.100.000	35.229.100.000	32.224.210.580	32.224.210.580
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu May và Phụ tùng	16.654.377.690	16.654.377.690	15.244.977.321	15.244.977.321
Công ty Cổ phần Stavian GFS Land	-	-	33.070.520.000	33.070.520.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	70.085.836.349	70.096.838.349	90.577.833.654	90.577.833.654
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	8.519.410.466	8.519.410.466	216.340.000	216.340.000
TỔNG CỘNG	**130.496.726.505**	**130.496.726.505**	**171.333.881.555**	**171.333.881.555**

17.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Mario Co., Ltd	1.441.208.940	4.094.852.767
Syracuse Enviro Group	44.710.350	4.186.428.023
Khách hàng khác	14.009.545.724	24.446.114.745
TỔNG CỘNG	**15.495.465.014**	**32.727.393.535**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp/bù trừ trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.626.357.142	22.942.487.071	(17.907.793.807)	22.661.050.406
Thuế thu nhập cá nhân	323.119.061	1.321.836.513	(1.438.425.269)	206.530.325
Thuế GTGT	-	2.441.907.444	(2.441.907.444)	-
Các khoản thuế khác	240.000	314.183.833	(314.183.833)	240.000
TỔNG CỘNG	**17.949.716.223**	**27.020.414.861**	**(22.102.310.353)**	**22.867.620.731**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lãi vay phải trả	10.057.391.812	9.408.602.919
Khác	900.330.598	747.460 042
TỔNG CỘNG	**10.957.722.410**	**10.156.062.961**

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Bảo hiểm xã hội phải nộp	1.109.163.650	-
Kinh phí công đoàn	134 984.378	230.142 848
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	100 808.177	74.322 177
TỔNG CỘNG	**1.344.956.205**	**304.465.025**

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	*Số đầu năm*		*Số phát sinh trong năm*			*Số cuối năm*	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Chênh lệch tỷ giá*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng ngắn hạn	21.1	1.124.496.579.795	1.124.496.579.795	2.635.879.468.821	(2.170.696.202.820)	(1.101.661.350)	1.588.478.164.446	1.588.478.164.446
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	21.2	28.485.437.111	28.485.437.111	29.782.911.134	(28.485.437.111)	-	29.782.911.134	29.782.911.134
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	21.3	6.260.201.056	6.260.201.056	11.049.503.748	(6.260.201.056)	-	11.049.503.748	11.049.503.748
TỔNG CỘNG		**1.159.242.217.962**	**1.159.242.217.962**	**2.676.711.883.703**	**(2.205.341.840.987)**	**(1.101.661.350)**	**1.629.310.579.328**	**1.629.310.579.328**
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng dài hạn	21.2	46.952.497.592	46.952.497.592	5.503.334.796	(31.101.351.943)	(14.277.584)	20.340.192.861	20.340.192.861
Nợ thuê tài chính dài hạn	21.3	14.960.469.427	14.960.469.427	27.665.289.008	(14.253.183.964)	-	28.392.574.471	28.392.574.471
Trái phiếu phát hành dài hạn	21.4	221.408.000.000	221.408.000.000	3.222.000.000	-	-	224.630.000.000	224.630.000.000
TỔNG CỘNG		**282.340.967.019**	**282.340.967.019**	**36.390.623.804**	**(45.354.545.907)**	**(14.277.584)**	**273.362.767.332**	**273.362.767.332**

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 *Vay ngắn hạn ngân hàng*

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*		*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
	VND	*Nguyên tệ*			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1	564.801.386.638	564.801.386.638 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	7,6% - 9,7%	Một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc, bất động sản của Công ty
	16.952.377.572	714.969 USD		3,9% - 4,8%	Các hợp đồng tiền gửi của Công ty với tổng giá trị 121 tỷ VND.
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	298.535.812.396	298.535.812.396 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 22 tháng 8 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	7,5% - 10%	Một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc, bất động sản của Công ty.
					Các hợp đồng tiền gửi, trái phiếu dài hạn của Công ty với tổng giá trị 20.8 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	249.991.301.449	249.991.301.449 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 29 tháng 9 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng	4,4% - 9,9%	Một số hàng tồn kho, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Công ty.
					Các hợp đồng tiền gửi của Công ty với tổng giá trị 31 tỷ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	89.531.883.396	89.531.883.396 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 9 tháng 6 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	7.5% - 13%	Các hợp đồng tiền gửi của Công ty với tổng giá trị 30 tỷ VND.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 *Vay ngắn hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	*Số cuối năm*		*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
	VND	*Nguyên tệ*			
Ngân hàng Hongleong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	54.304.606.731 11.039.589.380	54.304.606.731 VND 465.609 USD	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 3 tháng 7 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	6,65 – 9,5% 6,02 – 6,16%	Các hợp đồng tiền gửi của Công ty với tổng giá trị 29 tỷ VND.
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	67.354.695.313	67.354.695.313 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 28 tháng 6 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	6,1% - 9,41%	Một số hàng tồn kho luân chuyển của Công ty. Các hợp đồng tiền gửi của Công ty với tổng giá trị 23 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	61.510.759.260 7.132.261.293	61.510.759.260 VND 300.812 USD	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 21 tháng 9 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng	11,9% - 12,1% 7,7%	Quyền đòi nợ tối đa là 80 tỷ đồng hình thành trong tương lai của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bắc Từ Liêm	18.919.730.000	18.919.730.000 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 7 tháng 7 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	9%	Một số tài sản máy móc, phương tiện vận tải của Công ty
Ngân hàng Sinopacs - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	34.029.967.610	34.029.967.610 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 28 tháng 6 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	10,15% - 10,8%	Một số tài sản máy móc, phương tiện vận tải của Công ty.
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ninh	48.960.943.490	48.960.943.490 VND	Kỳ hạn trả gốc lần cuối vào ngày 25 tháng 7 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	10,8%	Các hợp đồng tiền gửi của Công ty với tổng giá trị 15 tỷ VND. Các khoản phải thu luân chuyển của Công ty với tổng giá trị 70 tỷ VND.
Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK - Chi nhánh TP. HCM	65.412.650.008	65.412.650.008 VND	Kỳ hạn trả gốc cuối vào ngày 25 tháng 5 năm 2023. Lãi được trả hàng tháng.	10,5% - 11,75%	Các hợp đồng tiền gửi của Công ty với tổng giá trị 30 tỷ VND.
TỔNG CỘNG	**1.888.478.164.446**				

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 *Vay dài hạn ngân hàng*

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*		*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
	VND	*Nguyên tệ*			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	23.002.806.050	23.002.806.050 VND	Kỳ hạn mỗi khoản vay theo từng khế ước nhận nợ, với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 25 tháng 6 năm 2024. Lãi vay được trả hàng tháng.	10,5%	Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty. Các hợp đồng tiền gửi của Công ty với tổng giá trị 21,6 tỷ VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	8.737.191.942	8.737.191.942 VND	Kỳ hạn mỗi khoản vay theo từng khế ước nhận nợ, với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 9 tháng 2 năm 2027. Lãi vay được trả hàng tháng.	10,8% - 13,9%	Các máy móc và thiết bị vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	9.268.053.743	9.268.053.743 VND	Kỳ hạn mỗi khoản vay theo từng khế ước nhận nợ, với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 12 tháng 7 năm 2025. Lãi vay được trả hàng tháng.	9,3% - 12,6%	Các máy móc và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty.
	2.372.812.280	100.068 USD		7,3%	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cơ sở giao dịch số 1	6.742.440.000	6.742.440.000 VND	Kỳ hạn mỗi khoản vay theo từng khế ước nhận nợ, với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 11 năm 2026. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,50%	Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty. Các hợp đồng tiền gửi của Công ty với tổng giá trị 650 triệu VND
TỔNG CỘNG	**50.123.104.015**				
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả	*29.782.911.134*				
- Vay dài hạn	*20.340.192.881*				

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 *Nợ thuê tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Dưới 1 năm	14.817.327.950	3.767.824.202	11.049.503.748	7.848.776.294	1.588.575.238	6.260.201.056
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Trên 1-5 năm	39.721.678.174	11.329.103.703	28.392.574.471	17.669.276.070	2.688.806.643	14.980.469.427
TỔNG CỘNG	**54.539.006.124**	**15.096.927.905**	**39.442.078.219**	**25.518.052.364**	**4.277.381.881**	**21.240.670.483**

21.4 *Trái phiếu phát hành*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị VND	*Lãi suất (%/năm)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Giá trị VND*	*Lãi suất (%/năm)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*
Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.8/2021/HDĐM/TDP-SHINHANBANK (*)	100.000.000.000	9%	Kỳ hạn 36 tháng với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 9 năm 2024. Lãi được trả 6 tháng/lần.	100.000.000.000	9%	Kỳ hạn 36 tháng với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 9 năm 2024. Lãi được trả 6 tháng/lần.
Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.08/2021/HDĐM/TDP-KEBHANA (**)	100.000.000.000	9%	Kỳ hạn 36 tháng với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 9 năm 2024. Lãi được trả 6 tháng/lần.	100.000.000.000	9%	Kỳ hạn 36 tháng với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 9 năm 2024. Lãi được trả 6 tháng/lần.
Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.08/2021/HDĐM/TDP-MAS (***)	30.000.000.000	9%	Kỳ hạn 36 tháng với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 9 năm 2024. Lãi được trả 6 tháng/lần.	30.000.000.000	9%	Kỳ hạn 36 tháng với khoản cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 9 năm 2024. Lãi được trả 6 tháng/lần.
Chi phí phát hành trái phiếu chưa được phân bổ	*(5.370.000.000)*			*(8.592.000.000)*		
TỔNG CỘNG	**224.630.000.000**			**221.408.000.000**		

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(*) Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.8/2021/HDĐM/TDP-SHINHANBANK giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày 30 tháng 8 năm 2021, Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- Cổ phiếu bảo đảm: 17.474.936 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty,
- Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo bảng kê trong hợp đồng; và
- Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thường, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm; các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác.

(**) Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.08/2021/HDĐM/TDP-KEBHANA giữa Công ty và Ngân hàng KEB HANA - Chi nhánh Hà Nội, vào ngày 30 tháng 8 năm 2021, Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- Cổ phiếu bảo đảm: 17.474.936 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty;
- Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Ngân hàng KEB HANA - Chi nhánh Hà Nội theo bảng kê trong hợp đồng; và
- Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thường, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm; các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác.

(***) Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 30.08/2021/HDĐM/TDP-MAS giữa Công ty và Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam), vào ngày 30 tháng 8 năm 2021. Công ty đã phát hành 30 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 30 tỷ VND. Sau đó, vào ngày 1 tháng 10 năm 2021, Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) đã chuyển nhượng lại một phần trái phiếu cho 2 cá nhân là ông Shin Dong Ki và Ông Min In Sook với tổng mệnh giá trái phiếu là 10 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm

- Cổ phiếu bảo đảm: 17.474.936 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty;
- Các khoản tiền, số dư, khoản tín dụng, tiền gửi, số tiền và các khoản khác hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) theo bảng kê trong hợp đồng; và
- Lợi tức bảo đảm: cổ tức bằng cổ phiếu thường, cổ phiếu do chia tách, trái phiếu chuyển đổi và chứng khoán chuyển đổi thành cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu bảo đảm; các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Số đầu năm	537.598.370.000	9.200.000.000	88.332.078.694	635.130.448.694
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	84.514.249.033	84.514.249.033
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	64.510.650.000	-	(64.510.650.000)	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	7.000.000.000	(7.000.000.000)	-
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Số cuối năm	602.109.020.000	16.200.000.000	100.975.677.717	719.284.697.717
Năm nay				
Số đầu năm	602.109.020.000	16.200.000.000	100.975.677.717	719.284.697.717
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	81.708.869.979	81.708.869.979
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	72.250.380.000	-	(72.250.380.000)	-
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (ii)	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Số cuối năm	674.359.400.000	16.200.000.000	110.074.167.696	800.633.567.696

(i) Vào ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty đã nhận được Công văn số 8372/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận Phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trả cổ tức của Công ty căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0510/2022/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 10 năm 2022, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0211/2022/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 11 năm 2022 và các quy định khác của pháp luật. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là 7.225.038 cổ phiếu với tổng giá trị phát hành là 72.250.380.000 VND theo Báo cáo kết quả phát hành số 1312/2022/BC-TDP ngày 13 tháng 12 năm 2022 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(ii) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2022, Công ty đã trích lập quỹ thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 2504/2022/NQ-ĐHĐCĐ-TDP.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 *Cổ phiếu*

	Số cuối năm *Số lượng*	*Số đầu năm* *Số lượng*
Cổ phiếu đã được duyệt	**67.435.940**	**60.210.902**
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	67.435.940	60.210.902
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	67.435.940	60.210.902

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2021: 10.000 đồng/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là "TDP".

22.3 *Cổ tức*

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức đã công bố trong năm	**72.250.380.000**	**64.510.650.000**
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng cổ phiếu cho năm 2022 theo tỷ lệ 12% (2021: 12%)	72.250.380.000	64.510.650.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	-

23. DOANH THU

23.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**2.916.664.656.466**	**2.168.193.909.459**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	*1.633.575.097.765*	*1.253.803.682.745*
Doanh thu bán thành phẩm	*1.279.840.978.251*	*910.445.477.438*
Doanh thu khác	*3.248.580.450*	*3.944.749.276*
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**2.916.664.656.466**	**2.168.193.909.459**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*2.449.799.050.423*	*1.952.015.239.136*
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*466.865.606.043*	*216.178.670.323*

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi	37.060.353.464	18.246.279.035
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.034.557.805	2.162.590.308
Doanh thu tài chính khác	15.094.808.302	20.105.641.166
TỔNG CỘNG	**62.189.719.571**	**40.514.510.509**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.593.329.520.004	1.202.080.347.109
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.024.419.230.734	721.684.240.702
Giá vốn khác	944.531.279	1.262.319.768
TỔNG CỘNG	**2.618.693.282.017**	**1.925.026.907.579**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền vay	126.925.708.016	84.864.511.733
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	3.222.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.983.919.978	1.006.982.577
Lãi thuê tài chính	2.955.903.926	1.350.496.707
Dự phòng đầu tư công ty liên kết	1.267.840.025	-
Lãi mua hàng trả chậm	1.135.621.296	523.808.053
TỔNG CỘNG	**138.490.993.240**	**87.745.799.070**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	9.028.021.874	5.861.023.201
- Chi phí khấu hao và hao mòn	2.274.657.396	457.083.084
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.735.493.408	27.276.753.707
- Chi phí bằng tiền khác	5.243.231.193	8.793.147.230
TỔNG CỘNG	**44.281.403.871**	**42.388.007.222**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	29.819.605.587	18.373.345.369
- Chi phí khấu hao và hao mòn	3.827.481.414	3.544.416.974
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.147.150.641	8.477.605.567
- Chi phí bằng tiền khác	21.821.127.912	18.320.537.504
TỔNG CỘNG	**68.615.365.554**	**48.715.905.414**

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác		
Các khoản thu nhập khác	62.475.459	152.087.236
TỔNG CỘNG	**62.475.459**	**152.087.236**
Chi phí khác		
Tiền phạt, truy thu thuế	499.485.927	656.068.139
Lỗ thanh lý TSCĐ	-	163.174.005
Chi phí khác	3.684.963.837	2.024.039.600
TỔNG CỘNG	**4.184.449.764**	**2.843.281.744**
LỖ KHÁC THUẦN	**(4.121.974.305)**	**(2.691.194.508)**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.253.610.284.962	1.546.362.356.895
Chi phí nhân công	150.761.718.614	123.768.319.303
Chi phí khấu hao và hao mòn	45 783.782.852	38.521.789.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	209 505.898.570	140 908.285.057
Chi phí khác bằng tiền	40 935.441.130	138.985.762.252
TỔNG CỘNG	**2.700.597.126.128**	**1.988.546.512.565**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty trong năm hiện tại là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính năm có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 *Chi phí thuế TNDN*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.661.050.407	17.626.357.142
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	281.436.664	-
TỔNG CỘNG	**22.942.487.071**	**17.626.357.142**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 *Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)*

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**104.651.357.050**	**102.140.606.175**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	20.930.271.410	20.428.121.235
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	3.880.536.316	662.838.124
Chi phí khấu hao vượt định mức	671.881.928	342.804.810
Thuế TNDN truy thu các năm trước	281.436.664	-
Các chi phí không được trừ khác	218.701.824	223.010.420
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Các khoản khác	(40.341.071)	(30.417.447)
Lợi nhuận được chia từ công ty con	(3.000.000.000)	(4.000.000.000)
Chi phí thuế TNDN	**22.942.457.071**	**17.626.357.142**

29.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

29.3 *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Chi phí lãi vay không được khấu trừ

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay không được trừ theo nghị định 132/2020/NĐ-CP sang kỳ tính thuế tiếp theo trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	*Có thể khấu trừ đến năm*	*Chi phí lãi vay không được trừ tính thuế*	*Đã khấu trừ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022*	*Không được khấu trừ*	*Chưa khấu trừ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*
2020	2025	3.314.190.620	-	-	**3.314.190.620**
2021	2026	892.243.330	-	-	**892.243.330**
2022	2027	18.619.621.101	-	-	**18.619.621.101**
TỔNG CỘNG		**22.826.055.051**	**-**	**-**	**22.826.055.051**

Chi phí lãi vay không được khấu trừ chuyển sang được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các năm tài chính trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần Thuận Đức IP (trước đây là Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức)	Công ty con đến ngày 31 tháng 5 năm 2022
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn	Công ty cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Công ty Cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Công ty cùng Chủ tịch HĐQT
Bà Bùi Thị Hằng	Kế toán trưởng

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Bán hạt nhựa, vật tư	182.477.286.075	157.840.260 912
		Mua bao bì, mành dệt	107.749.869.446	123.769.982 296
		Góp vốn vào công ty con	40.000.000.000	51.000.000.000
		Thu tiền lợi nhuận được chia	20.000.000.000	3.000.000.000
		Lợi nhuận được chia	15.000.000.000	20.000.000.000
		Mua dịch vụ	1.080.000.000	1.080.000.000
		Cho thuê máy móc	739.200.000	61.600.000
Công ty TNHH TD IP (trước đây là Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức)	Công ty con đến ngày 31 tháng 5 năm 2022	Góp vốn vào công ty con	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	225.522.307.475	52.102.983.327
		Mua nguyên vật liệu	86.268.279.119	22.000.005 100
		Thuê máy móc nhà xưởng	8.033.673.507	593.905.454
		Góp vốn vào công ty liên kết	-	125.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Công ty cô cùng Chủ tịch HĐQT	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	56.721.318.617	-
		Bán thành phẩm	51.186.875.083	-
		Bán vật tư	4.499.765.430	3.918.608.092
		Cho thuê máy	2 267.672.000	2.043.672.000
		Bán tài sản	1 451.000.000	-
		Chia lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	201.705.358	-
		Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	70.000.000.000

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn	Cùng chủ tịch HĐQT	Cho vay	56.000.000.000	-
		Thu gốc vay	56.000.000.000	-
		Lãi cho vay	1.188.427.329	-
		Thu lãi cho vay	1.188.427.329	-
		Góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	23.833.420.650	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Chuyển tiền hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	100.000.000.000
Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi công nợ	592.000 000	-
Bà Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT	Cho vay	-	744.667.331
		Thu tiền lãi cho vay	-	641.332.999
		Chi hộ	2.000.000.000	-
		Thu hồi tiền chi hộ	4.400.000.000	-
		Chi mua tài sản	50.000.000.000	-
Bà Nguyễn Kim Anh	Phó Tổng Giám đốc	Thu tiền cho vay	-	200.000.000
		Lãi cho vay	-	21.268.001
		Thu tiền lãi cho vay	-	23.337.336
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT	Thu tiền cho vay	-	200.000.000
		Lãi cho vay	-	21.268.001
		Thu tiền lãi cho vay	-	23.337.336
Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 4 năm 2022	Hoàn ứng	25.035.053.923	-
		Cho vay	-	10.000.000.000
		Thu tiền cho vay	-	10.000.000.000
		Tạm ứng	-	10.000.000.000
		Thu tiền lãi cho vay	-	395.305.556
		Lãi cho vay	-	86.000.000
Ông Bùi Quang Sỹ	Tổng Giám đốc	Hoàn ứng	2.513.874.519	852.733.075
		Cho vay	-	15 000.000.000
		Thu tiền cho vay	-	15 000.000.000
		Tạm ứng	-	3 000.000.000
		Lãi cho vay phải thu	-	1 360 545.556
		Thu tiền lãi cho vay	-	1.360 545.556
Ông Bùi Thế Quyền	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 4 năm 2022	Cho vay	-	3.000.000.000
		Hoàn ứng	-	3.202.000.000
		Thu tiền cho vay	-	3.000.000.000
		Lãi cho vay phải thu	-	315.334.333
		Thu tiền lãi cho vay	-	315 334 333
Ông Phạm Văn Chi	Thành viên HĐQT	Thu tiền cho vay	-	5.200.000 000
		Cho vay	-	5.000.000 000
		Thu tiền lãi cho vay	-	156.426.336
		Lãi cho vay phải thu	-	154.357.001

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản vay và cho vay có lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 không có bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2021: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu ngắn hạn của khách hàng** (Thuyết minh số 7.1)*				
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	96 736.470 823	39.171.846.334
Công ty Cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên	Chung Chủ tịch HĐQT	Bán hàng hóa	46.880.327.118	4.757.701.951
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Bán hàng hóa	34.132.811.196	44.281 427.453
Công ty TNHH TD IP (trước đây là Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức)	Công ty con đến ngày 31 tháng 5 năm 2022	Xuất bán vật tư	-	205.223.858
TỔNG CỘNG			**177.749.609.139**	**88.416.199.596**
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)				
Công ty Cổ phần Thuận Đức Eco	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	17.180 223.491	2.566.934.660
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao Bì Thái Yên	Chung Chủ tịch HĐQT	Mua nguyên vật liệu	7.434.742.560	-
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	-	4 883.547.696
TỔNG CỘNG			**24.614.966.051**	**7.450.482.356**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu ngắn hạn khác** (Thuyết minh số 9)*				
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Phải thu khác	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn	Chung Chủ tịch HĐQT	Phải thu khác	270.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên	Chung Chủ tịch HĐQT	Phải thu khác	201.705.358	-
Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 4 năm 2022	Phải thu khác	-	10.000.000.000
		Tạm ứng	-	15.035.053.923
Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT	Phải thu khác	-	2.400.000.000
Bùi Quang Sỹ	Tổng giám đốc	Tạm ứng	234.056.058	2.747.930.577
Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	Phải thu khác	115	592.000.115
Bùi Thị Hằng	Kế toán trưởng	Tạm ứng	1.900.000	-
Phạm Văn Chí	Thành viên trong HĐQT, Ban Giám đốc	Phải thu khác	6.794.060	6.794.060
TỔNG CỘNG			**15.714.455.591**	**30.781.778.675**
***Phải thu dài hạn khác** (Thuyết minh số 9)*				
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Chung Chủ tịch HĐQT	Góp vốn hợp tác đầu tư	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty Cổ phần Thuận Đức Bỉm Sơn	Chung Chủ tịch HĐQT	Góp vốn hợp tác đầu tư	23.833.420.680	-
Công ty Cổ phần Thuận Đức JB	Chung Chủ tịch HĐQT	Góp vốn hợp tác đầu tư	100.000.000.000	100.000.000.000
TỔNG CỘNG			**193.833.420.680**	**190.000.000.000**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17.1)				
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	8.519.410.466	-
Công ty TNHH TD IP (trước đây là Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức)	Công ty con đến ngày 31 tháng 5 năm 2022	Mua dịch vụ	-	216.340.000
TỔNG CỘNG			**8.519.410.466**	**216.340.000**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

Tên	*Chức vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Ông Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	895.250.000	773.507.538
Bà Ngô Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	855.250.000	760.874.308
Ông Bùi Quang Sỹ	Thành viên HĐQT từ ngày 24 tháng 4 năm 2022/Tổng Giám đốc	856.450.000	742.874.308
Bà Nguyễn Kim Anh	Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	273.000.000
Ông Phạm Văn Chỉ	Thành viên HĐQT	120.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT	120.000.000	-
Ông Trần Văn Huỳnh	Thành viên HĐQT đến ngày 31 tháng 7 năm 2022	15.000.000	321.908.038
Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 4 năm 2022	-	18.000.000
Ông Bùi Huy Hoàng	Trưởng ban Kiểm soát từ ngày 24 tháng 4 năm 2022	88.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	24.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 24 tháng 4 năm 2022	64.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên ban Kiểm soát từ ngày 24 tháng 4 năm 2022	40.000.000	-
Bà Hoàng Thị Hằng	Trưởng ban Kiểm soát đến ngày 24 tháng 4 năm 2022	12.000.000	36.000.000
TỔNG CỘNG		**3.233.950.000**	**2.974.164.192**

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về khu vực địa lý nơi Công ty cung cấp sản phẩm. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo khu vực địa lý nơi Công ty cung cấp sản phẩm với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

	Xuất khẩu	*Trong nước*	*Tổng cộng*
Doanh thu			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	*676.604.737.124*	*2.240.059.919.342*	*2.916.664.656.466*
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	*(506.649.863.279)*	*(2.112.043.418.738)*	*(2.618.693.282.017)*
Kết quả			
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	*169.954.873.845*	*128.016.500.604*	*297.971.374.449*
Chi phí không phân bổ (*)			*(193.320.017.399)*
Lợi nhuận trước thuế			*104.651.357.050*
Chi phí thuế TNDN			*(22.942.487.071)*
Lợi nhuận thuần sau thuế			**81.708.869.979**
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	*17.961.068.105*	*323.179.442.187*	*341.140.530.292*
Tài sản không phân bổ (**)			*2.556.307.500.593*
Tổng tài sản			**2.897.448.030.885**
Công nợ không phân bổ (**)			*2.096.814.463.189*
Tổng công nợ			**2.096.814.463.189**

(*) Chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Toàn bộ tài sản và nợ phải trả của Công ty được dùng chung cho các bộ phận theo khu vực địa lý nên không thể phân bổ theo bộ phận được.

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo địa lý của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

	Xuất khẩu	*Trong nước*	*Tổng cộng*
Doanh thu			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	*464.224.484.503*	*1.703.969.424.956*	*2.168.193.909.459*
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	*(353.679.953.494)*	*(1.571.346.954.085)*	*(1.925.026.907.579)*
Kết quả			
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	*110.544.531.009*	*132.622.470.871*	*243.167.001.880*
Chi phí không phân bổ (*)			*(141.026.395.705)*
Lợi nhuận trước thuế			*102.140.606.175*
Chi phí thuế TNDN			*(17.626.357.142)*
Lợi nhuận thuần sau thuế			**84.514.249.033**
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	*23.456.369.107*	*24.020.919.696*	*47.477.289.003*
Tài sản không phân bổ (**)			*2.360.769.466.582*
Tổng tài sản			**2.408.246.755.585**
Công nợ bộ phận			-
Công nợ không phân bổ (**)			*1.688.962.057.868*
Tổng công nợ			**1.688.962.057.868**

(*) Chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác

(**) Toàn bộ tài sản và nợ phải trả của Công ty được dùng chung cho các bộ phận theo khu vực địa lý nên không thể phân bổ theo bộ phận được.

32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	219.420	546.306
- Euro (EUR)	7.944	660

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê kho và quyền sử dụng đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	5.802.613.200	6.386.199.480
Trên 1 - 5 năm	5.396.033.600	9.279.410.783
Trên 5 năm	1.931.384.000	1.933.329.533
TỔNG CỘNG	**13.130.030.800**	**17.598.939.796**

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty cho thuê máy móc, ô tô, kho và văn phòng theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	1.455.339.276	3.933.399.276
Trên 1 - 5 năm	-	2.245.975.638
TỔNG CỘNG	**1.455.339.276**	**6.179.374.914**

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Lê Thị Thường	Bùi Thị Hằng	Bùi Quang Sỹ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2023